



TRẦN TRIỀU HIỂN THÁNH
CHÍNH KINH

HÀ YÊN VỌNG TỪ TÀNG BẢN

成泰甲辰年仲春鑄

持誦講說。互相勸勉。

河安望祠藏板

安寧村
行耕庸

身體力行。功德無量。

TRÌ TỤNG GIẢNG THUYẾT
HỒ TƯỞNG KHUYẾN MIỀN
THÂN THỂ LỰC HÀNH
CÔNG ĐỨC VÔ LƯỢNG!

CĂN BẠCH

Các bậc anh hùng nhà Trần có công gìn giữ bảo vệ non sông gấm vóc, lưng lầy năm châu, rạng danh bốn biển, ghi vào trang sử Việt một thời đại Đông A huy hoàng chói lọi.

Đất nước thanh bình, Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông khai sáng Thiền phái Trúc Lâm, cùng với Đức Trần Hưng Đạo Đại Vương hiển Thánh, đã mở ra Phật giáo và Thánh giáo thời Trần, mang bản sắc riêng của nước ta, càng tăng thêm niềm tự hào dân tộc.

Trần Triều Hiển Thánh Chính Kinh là kinh văn cốt yếu của Đông A Thánh Giáo, dùng cho các đệ tử và khắp quần chúng nhân dân tụng niệm hành trì. Nội dung chủ yếu gồm:

- Tụng Kinh: Đức Thánh Trần răn dạy đạo lý luân thường, lấy “trung - hiếu” làm đầu, khuyên mọi người ăn ở ngay thẳng, sống có kỷ cương, nhân hậu, biết vì cộng đồng, giúp người lợi vật, tôn kính Phật Trời, phụng thờ Tổ tiên, tế độ âm hồn, làm việc âm đức.

- Niệm Phật: Ngài dạy mọi người nương vào đại nguyện của Đức Phật A Di Đà, hằng ngày niệm danh hiệu Phật, cầu Phật Thánh gia hộ, khiến cho phần âm thì hương linh Tổ tiên được siêu thăng, phần dương thì người người được lợi lạc, khi hết dương thọ được vãng sinh về nước Phật, thoát ly sinh tử luân hồi.

Nội dung bản kinh cho thấy đạo Thánh đạo Phật đồng nguyên. Đức Thánh Trần cũng như chư vị Tiên Thánh, bách thần Việt Nam, đều là những bậc hộ trì Phật pháp, tuy

nghi lễ, phương thức hành trì có khác nhau, nhưng đều hướng về Phật đạo.

Bản kinh thật sự quý giá đối với đời sống tinh thần và tâm linh người Việt chúng ta, nhất là với các đệ tử phụng thờ Đức Thánh Trần.

Nay đệ tử căn cứ theo bản Chính Kinh Sơ Biên chữ Hán khắc ván in năm Giáp Thìn (1904) tại đền vọng Hà Yên (thuộc thôn Yên Ninh, phố Hàng Bún xưa), và bản Chính Kinh Diễn Âm chữ Nôm khắc ván in năm Giáp Tuất (1934) tại đàn Thiên Đài (thuộc Thượng Cát, Hạ Trì, Hoài Đức, Hà Đông xưa) để phiên dịch ra chữ Quốc ngữ, sắp xếp đủ cả văn Hán và văn Nôm, đồng thời chú thích thêm những chỗ cần thiết, giúp người tụng đọc dễ hiểu nội dung. Hai bản kinh này được tàng trữ trong Thư viện Quốc gia Việt Nam và Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Đệ tử kiên thành cúng dàng! Nguyên cầu Phật Thánh gia hộ cho bản kinh được lưu truyền rộng khắp, cầu cho thế giới hòa bình, đất nước phồn vinh, âm dương lưỡng lợi, nhà nhà yên vui, người người hạnh phúc!

*Trì tụng giảng giải
Cùng khuyến khích nhau
Ra sức thực hành
Công đức vô lượng!*

**Hai Mươi tháng Tám mùa Thu năm Tân Sửu
Nhân dịp tưởng niệm 721 năm ngày hóa của Đức Thánh Trần
Đệ tử Học Phật khể thủ cẩn bạch!**

TRÙNG SAN TRÙNG DIỄN TỰ

南天第一聖祖乩賜重刊重演序
*Nam Thiên Đệ Nhất Thánh Tổ giáng
lời tựa diễn âm nhân dịp khắc lại*

Kinh điển kê ban thần thiết giáo,
Văn chương diễn thuyết đạo công truyền.
Nay mừng Bảo Thiện phúc duyên,
Kinh văn biết đạo, tâm chuyên ý thành.
Ởn trên lại diễn Chính Kinh,
Văn chương tiết thiết trăm đình mấy lần.
Dạy bảo nói xa gần đủ lẽ,
Chữ nghĩa nghe cận kẽ mọi điều.
Xem ra chữ ít nghĩa nhiều,
Lòng thương đệ tử, ý chiều tứ dân.
Rõ chính đính khuyên răn đứng mực,
Thực thông minh chính trực rõ ràng.
Đủ điều trung hiếu luân thường,
Dạy bề thành kính, chỉ đường công duyên.
Thờ Trời, Phật, Tổ tiên trọn đạo,
Độ âm hồn, sáng tạo âm công.
Đã tu phải vẹn thủy chung,
Khí tài tửu sắc lòng không chút nhàm.
Làm sao giữ lấy tâm cho chính,
Kiêu lạn trừ, bỏ tính tham ô.
Cầu Thần, Thần mới hộ cho,
Muốn thành phúc quả phải vo cho tròn.
Ai là kẻ dân con biết hối,

Giữ phép dương, khỏi tội luật âm.
Tu bền giữ tính giữ tâm,
An vui nhà cửa, âm sâm quế hòe.
Rồi điềm lành chở xe phúc đến,
Vui vẻ thay biết bén lời kinh.
Phải nên cốt khắc tâm minh,
Chớ hay trái lẽ coi khinh coi thường.
Lời cất miệng, ý thương ở dạ,
Biết tu trì rồi quả như tâm.
Thánh thương, Thánh dạy nên chăm,
Phúc dày rồi trả ân thâm lo gì.
Nay có kẻ muốn vì phúc đức,
Cầu khẩn xin ra sức công trình.
Đã tâu được chỉ Thiên đình,
Ban cho phụng khắc để dành phúc sau.
Kinh văn truyền khắp đâu đâu,
Lời nôm nên dạy bảo nhau mọi người.
Ai cũng biết theo đòi tu tỉnh,
Đội ơn trên, kinh chính dân hưng.
Trời Nam vui vẻ bao chừng,
Nhà Nam náo nức tung bừng mọi nơi.
Cùng chung đượm hương trời lộc nước,
Dẫu kẻ sau người trước cũng là.
Hinh hương ngát khắp gần xa,
Đạo đồng Tam Giáo nên ta chứng tình.
Tài bồi phúc quả viên thành!

PHÉP TẮC TỤNG KINH

誦經式

Khi lĩnh nhận bản kinh, dâng lên ban thờ khẩn trình chư vị Bản cảnh Tôn thần, Bản gia Thổ thần Táo quân, Gia tiên, rồi mới đem ra tụng đọc, giảng giải.

Khi tụng kinh, cần giữ trai giới, tâm tĩnh thân ngay. Tụng vào mồng một, ngày rằm hàng tháng âm lịch, và các ngày lễ tết, ngày sinh, ngày giỗ chư tôn.

Thực hiện các điều sau:

1/Giữ nghiêm giới sát: giết hại sinh mạng người và các loài vật là “thân sát”; mắng chửi, nguyên rủa người là “khẩu sát”; xúi giục kiện cáo, gièm pha chê bai, âm mưu giá họa, tuyên dương kẻ ác, v.v... là “tâm ý sát”.

2/Trong nhà hòa thuận, trên bảo dưới nghe, giữ trọn năm luân.

3/Việc cúng lễ cốt ở tâm thành kính, giữ gìn nơi thờ tự sạch sẽ, dùng hương hoa quả phẩm thanh khiết để dâng cúng. (Chẳng có thì ngọn đèn, nén nhang, bát nước tinh khiết với tấm lòng thành là được).

4/Một lòng trung thành, đã tụng kinh, hiểu nghĩa kinh, thì phải thực hành theo lời Ngài dạy, không được làm trái.

5/Thực hiện được các điều trên mới tụng Kinh niệm Phật.

THỈNH CHUÔNG

扣鐘念法

Thỉnh ba hồi chuông trước khi tụng kinh. Mỗi hồi niệm Phật năm lần, mỗi lần niệm xong đánh một tiếng chuông. (Sau đây tụng theo chữ nét đậm).

Hồi thứ nhất niệm:

**Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế
Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.
Nhất thiết chúng sinh đẳng, văn niệm
Phật thanh, giai đắc bảo noãn an lạc!
A Di Đà Phật.**

南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛。

一切眾生等，聞念佛聲，皆得飽煖安樂！阿彌陀佛。

Nghĩa: Quy mệnh Đức Phật A Di Đà đại từ đại bi ở thế giới Cực Lạc phương Tây. Hết thấy chúng sinh, nghe tiếng niệm Phật, đều được no ấm yên vui! A Di Đà Phật.

Hồi thứ hai niệm:

**Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế
Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.
Nhất thiết đệ tử đẳng, văn niệm Phật
thanh, giai sinh từ bi tâm!
A Di Đà Phật.**

南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛。

一切弟子等，聞念佛聲，皆生慈悲心！阿彌陀佛。

Nghĩa: Quy mệnh Đức Phật A Di Đà đại từ đại bi ở thế giới Cực Lạc phương Tây. Hết thấy đệ tử, nghe tiếng niệm Phật, đều khởi tâm từ bi! A Di Đà Phật.

Hồi thứ ba niệm:

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật. Nhất thiết đệ tử đẳng, văn niệm Phật thanh, giai đẳng nhân nghĩa nạn! A Di Đà Phật.

南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛。

一切弟子等，聞念佛聲，皆登仁義岬！阿彌陀佛。

Nghĩa: Quy mệnh Đức Phật A Di Đà đại từ đại bi ở thế giới Cực Lạc phương Tây. Hết thấy đệ tử, nghe tiếng niệm Phật, đều lên bờ nhân nghĩa! A Di Đà Phật.

Chú thích:

-“Nam Mô” là phiên âm từ tiếng Phạn, có nhiều nghĩa tùy theo văn cảnh, tâm niệm, đó là: kính lễ (cung kính lễ bái), quy kính (đem lòng kính ngưỡng hướng về), quy y (quay về nương tựa theo), quy mệnh (đem cả thân mạng gửi gắm), tín tòng (tin theo).

-Tây Phương Cực Lạc Thế Giới: thường gọi là cõi Cực Lạc, cõi Tây Phương. Cực Lạc nghĩa là “cực vui”. Cõi này là một cõi tịnh độ, cách cõi Sa Bà nơi chúng ta đang sống về phía Tây mười vạn ức (10 tỷ) cõi Phật. Là thế giới vô cùng trang nghiêm thanh tịnh, mọi thứ được tạo thành từ thất bảo, mặt đất, cây, ao, hoa sen, lầu gác, thân thể tự phát ra ánh sáng, không có bóng tối, thuần thiện không có sự xấu ác, chúng sinh ở đó đều là bậc Thánh xuất thế gian, sống mãi không già, chỉ thuần vui, không buồn khổ.

-A Di Đà Phật: là phiên âm từ tiếng Phạn. “Phật” nghĩa là bậc giác ngộ (tỉnh thức). “A Di Đà” nghĩa là vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng công đức, nên Phật A Di Đà còn được gọi là Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Quang. Khi còn tu nhân, Ngài vì cứu độ chúng sinh khắp mười phương mà phát ra 48 lời thệ nguyện, kiến tạo nên thế giới Cực Lạc vô cùng thanh tịnh trang nghiêm. Ngài đã thành Phật làm giáo chủ cõi đó, luôn cứu giúp tất cả chúng sinh.

-Đại từ đại bi: Đại là lớn. Từ là lòng yêu thương chúng sinh vô cùng sâu đậm, có công năng “cho vui”. Bi là lòng thương xót chúng sinh vô hạn, có công năng “cứu khổ”.

LỄ DANH HIỆU PHẬT

禮佛號

Quỳ, chắp tay, niệm và lễ Phật, mỗi lần lễ một danh hiệu Phật Bồ Tát, vái một vái, lạy sát đầu xuống ba lần, các lễ sau cũng làm như vậy.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật. (Lễ)

南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛。

Nghĩa: Kính lễ Đức Phật A Di Đà đại từ đại bi ở thế giới Cực Lạc phương Tây.

Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát. (Lễ)

南無救苦救難千手千眼觀世音菩薩。

Nghĩa: Kính lễ Bồ Tát Quán Thế Âm nghìn tay nghìn mắt cứu khổ cứu nạn.

Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát. (Lễ)

南無大勢至菩薩。

Nghĩa: Kính lễ Bồ Tát Đại Thế Chí.

Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. (Lễ)

南無清淨大海眾菩薩。

Nghĩa: Kính lễ các vị Bồ Tát thanh tịnh đông như nước biển lớn.

Nam Mô Nhất Thiết Thập Phương Chư Giới Phật. (Lễ)

南無一切十方諸界佛。

Nghĩa: Kính lễ hết thầy các Đức Phật ở các cõi khắp mười phương.

TRẦN ĐẠI VƯƠNG BẢO CÁO

陳大王寶誥

Quỳ tụng ba lượt:

Chí tâm đỉnh lễ!

至心頂禮！

Nghĩa: Dốc lòng đem đầu kính lễ!

Đông A Thánh tướng, Nam đảo Tiên tung.

東阿聖將，南島僊蹤。

Nghĩa: Thánh tướng triều Trần, dấu tích Thần Tiên nước Nam.

Ghi chú: Chữ “Đông A Thánh tướng” (東阿聖將) theo Chính Kinh Diễn Âm.

Chính Kinh Sơ Biên là “Đông A lệnh trụ” (東阿令胄).

**Phù quốc cứu dân, đẳng quân thân vu
thiên địa. Sừ gian thảo loạn, phần uy
vũ vu Minh đô.**

扶國救民，等君親于天地。勦奸討亂，奮威武于明都。

Nghĩa: Giúp nước cứu dân, đạo trung quân hiếu thân sánh cùng trời đất. Trừ gian dẹp loạn, tài uy vũ lừng lẫy khắp nước Nguyên Minh.

**Nhất thân gia quốc chi hoà, ân ưu
khải Thánh. Vạn cổ đan thanh nhất
bức, trác quán tôn thần.**

一身家國之懷，慙憂啟聖。萬古丹青一幅，卓冠尊臣。

Nghĩa: Một mình trông việc nước việc nhà, lo lắng nặng lòng khải Thánh. Muôn thuở lưu danh sử sách, vượt hơn các bậc tôn thần.

Ghi chú: Chữ “tôn thần” (尊臣) theo Chính Kinh Diễn Âm. Chính Kinh Sơ Biên là “tông thần” (宗臣).

Thịnh đức văn ư Đại bang, thiên thư quả

định. Dư linh trấn hồ Việt điện, quý túy tiềm hình.

盛德聞於大邦，天書果定。餘靈鎮乎越甸，鬼祟潛形。

Nghĩa: Uy đức lớn vang khắp đất Bắc (Trung Quốc), sách trời đã định rõ. Linh thiêng nổi tiếng nước Nam, quỷ quái phải ẩn hình.

Vũ tước gia phong, thiên cung thống nhiếp hồ văn thân chi địa. Lộc tịch thể chưởng, nhân giới Sa bà hồ hóa dục chi phương.

武爵加封，天宮統攝乎文身之地。祿籍世掌，人界娑婆乎化育之方。

Nghĩa: Được gia phong tước võ, trên thiên cung cai quản cả cõi đất Việt. Được nắm giữ sổ lộc, trong nhân giới chăm sóc mọi chốn người đời.

Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương Tôn giả. (Lễ)

仁武興道大王尊者。

Nghĩa: Tôn giả Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương.

Chú thích: Hưng Đạo Đại Vương, tên thật là Trần Quốc Tuấn (陳國峻), tước hiệu Hưng Đạo Đại Vương, là một vị danh tướng dân tộc Việt Nam thời nhà Trần, với ba lần chiến thắng quân Mông Cổ và sau là quân Mông Nguyên, được phong tướng tài thế giới.

Đại Vương giáng sinh giờ Dần ngày mồng Mười tháng Chạp năm Mậu Tý (1228). Trước khi Đại Vương ra đời, trong một đêm thanh, Thiên Đạo Quốc Mẫu mộng thấy một thần nhân tự xưng là Thanh Tiên Đồng Tử (青僊童子) phụng mệnh Ngọc Hoàng Thượng Đế, có kiếm có ấn, được cả tam bảo (từ, kiệm, khoan) và ngũ tài (trí, nhân, dũng, trung, tín), nguyện đầu thai làm con.

Sau khi dẹp yên giặc ngoại xâm, đất nước thanh bình, Đại Vương phụng mệnh về trời, Ngài hóa ngày Hai Mươi tháng Tám năm Canh Tý (1300), thọ 73 tuổi. Được sắc phong Cửu Thiên Vũ Đế, trấn trị cõi nước Nam, cứu độ nhân gian.

Tụng văn diễn âm:

Chí tâm đỉnh lễ!

**Rực rỡ cõi Đông nở cảnh vàng lá ngọc,
Thiên liêng núi Việt sinh dòng Thánh
dấu Tiên.**

**Giúp nước cứu dân, đạo quân thân so
cùng trời đất.**

**Trừ gian dẹp loạn, tài kinh luân nức
khắp Nguyên Minh.**

**Nhà nước mọi việc nghĩ một mình,
dựng nên nền khai Thánh,
Đan thanh một lòng truyền muôn kiếp,
hơn cả bậc tôn thần.**

**Đất Bắc lòng uy đức rõ ràng, sổ trời
đã định,**

**Nước Nam nổi linh thanh lòng lấy, loài
quỷ phải kinh.**

**Ởn trên vũ tước gia phong, cai quản cả
một phương trời Việt,**

**Giữ chức văn quyền sổ lộc, rộng rãi coi
mọi chốn người đời.**

**Sắc Thiên cung gia phong Cửu Thiên
Vũ Đế, đời Trần triều hiển Thánh
Hưng Đạo Đại Vương.
Tấu lạy Thiên Tôn giáng giám,
Chứng minh đệ tử tâm hương!**
(Lễ)

Vào mõ ngồi tụng:

KHAI KINH KỆ

南天第一聖祖乚賜開經偈并演音

Nam Thiên Đệ Nhất Thánh Tổ giáng kệ khai kinh diễn âm

就坐依然對鬼神，虔恭一念返天真。

宜誠宜敬加宜信，淨口淨心又淨身。

義理宣揚通上下，玉金捧讀啟吾人。

追思功德無窮在，朝夕慇懃志自勤。

**Tụng đọc ngồi nghiêm đối Thánh minh,
Tính trời đem lại giữ chân thành.
Kính tin trước mặt như trông thấy,
Sang sửa trong lòng phải tỉnh thanh.
Dưới đất trên trời cùng thấu suốt,
Lời vàng tiếng ngọc tụng cho rành.
Nghĩ xem công đức còn ơn mãi,
Ban sớm chiều hôm gắng sức mình.**

ĐẠI VƯƠNG CHÍNH KINH VĂN

大王正經文

皇朝成泰叁年歲在辛卯拾壹月望日未牌降著

Chính là “chính trực” (ngay thẳng), Kinh là “kinh thường” (luôn luôn). Đại Vương Chính Kinh Văn nghĩa là: Bài văn dạy người đời luôn luôn giữ nếp sống ngay thẳng của Hưng Đạo Đại Vương. Kinh văn gồm 365 chữ, ứng với số Chu thiên (số vòng trời).

Khi tụng đến chữ NGÔ nên nghĩ thầm trong tâm không đọc ra tiếng (hoặc thay bằng chữ Đại Vương).

**-NGÔ tích tại Trần thì, khâm mông
Ngọc chỉ giáng sinh, phù quốc cứu
dân, duy trung duy hiếu.**

吾昔在陳時。欽蒙玉旨降生，扶國救民，惟忠惟孝。

Nghĩa: Ta xưa vào thời Trần, kính vâng mệnh lệnh Ngọc Hoàng giáng sinh trần thế, giúp nước cứu dân, một lòng trung hiếu.

Chú thích: Ngọc Hoàng Thượng Đế, trong kinh Phật có tên là Thích Đề Hoàn Nhân, thường gọi là Đế Thích, là vua cõi trời Đạo Lợi (tức Thiên đình). Ngài là bậc tu Phật, hộ trì Phật pháp, thường tới các pháp hội nghe Phật Thích Ca thuyết pháp. Cung trời Đạo Lợi chính là nơi Phật Thích Ca thuyết Kinh Địa Tạng.

**Huân thành quả mãn, tái phụng hồi
chứng Thần vị.**

勲成果滿，再奉回證神位。

Nghĩa: Khi công thành quả mãn, lại phụng mệnh trở về chứng ngôi Thần.

**Sắc phong Cửu Thiên Vũ Đế, trấn trị
Nam phương, hiển linh chấn uy.**

勅封九天武帝，鎮治南方，顯靈振威。

Nghĩa: Được sắc phong Cửu Thiên Vũ Đế, trấn trị phương Nam, hiển ứng linh thiêng uy danh lừng lẫy.

Khâm sai văn vũ bộ quan, thượng tuân Thánh lệnh, hạ độ nhân gian.

欽差文武部官，上遵聖令，下度人間。

Nghĩa: Khâm sai bộ quan văn võ, trên tuân Thánh lệnh, dưới độ nhân gian.

- Tư sát chi hạ giới chúng đệ tử đẳng, thân tuy đầu thành, nhi tâm bất nội tỉnh.

茲察之下界眾弟子等，身雖投誠，而心不內省。

Nghĩa: Nay xét thấy chúng đệ tử nơi hạ giới, thân tuy cung kính, mà tâm chẳng phản tỉnh.

Sở dĩ cầu chi hữu ứng, ứng chi bất cửu, chung luân tịch tịch.

所以求之有應，應之不久，終淪寂寞。

Nghĩa: Cho nên cầu tuy có ứng, nhưng ứng chẳng được lâu, cuối cùng phải chìm vào tịch tịch cô liêu.

Thế đạo nhân tâm, khả thắng tích tai!

世道人心，可勝惜哉！

Nghĩa: Thế đạo nhân tâm như vậy, thật đáng tiếc thay!

- NGÔ kim cử Phạm Điện Sứ tướng quân, cung nghênh Thần giá, quang lâm Hà Lạc vọng từ, giáng bút thành kinh dĩ huấn thế viết:

吾今據范殿帥將軍，恭迎神駕，光臨河樂望祠，降筆成經以訓世曰：

Nghĩa: Ta nay nhân có Phạm Điện Sứy tướng quân, đón rước giá Thần, ngự về đền vọng Hà Lạc, giáng bút thành kinh để khuyên răn người đời rằng:

Chú thích: Phạm Điện Sứy, tức Thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão, là gia tướng và cũng là con rể Đức Thánh Trần.

- Nhân sinh thiên địa gian, yếu đương tổ Thánh hiền sự nghiệp.

人生天地間，要當做聖賢事業。

Nghĩa: Người sinh ra trong trời đất, phải nên làm sự nghiệp Thánh hiền.

Sự nghiệp giả hà? Trung hiếu nhi dĩ!

事業者何？忠孝而已！

Nghĩa: Sự nghiệp ấy là gì? Đó chỉ là “trung” “hiếu” mà thôi!

Trung hiếu vi ngũ luân chi thủ, khuyết nhất bất khả.

忠孝為五倫之首，闕一不可。

Nghĩa: Trung hiếu là đầu của năm luân, không thể thiếu một.

Chú thích: “Ngũ luân” nghĩa là “năm luân”, là đạo lý trong năm mối quan hệ: vua - tôi, cha - con, anh - em, chồng - vợ, bè - bạn. Tôi trung, con hiếu, anh em hòa thuận, vợ chồng hòa kính, bạn bè thành thật. (Mối quan hệ vua - tôi, ngày nay hiểu theo nghĩa: vua là Tổ Quốc, Nhà Nước, tôi là công dân).

Nhĩ đẳng đương tư:

爾等當思：

Nghĩa: Các người nên suy nghĩ:

Vi tử như hà khắc hiếu?

為子如何克孝？

Nghĩa: Làm con phải thế nào để tròn đạo hiếu?

Vi thân như hà khắc trung?

爲臣如何克忠？

Nghĩa: Làm tôi phải thế nào để vẹn lòng trung?

Huynh đệ như hà khắc hòa?

兄弟如何克和？

Nghĩa: Anh em phải thế nào để được hòa thuận?

Phu phụ như hà khắc kính?

夫婦如何克敬？

Nghĩa: Vợ chồng phải thế nào để luôn kính trọng nhau?

Bằng hữu như hà khắc tín?

朋友如何克信？

Nghĩa: Bạn bè phải thế nào để mãi giữ được lòng thành tín?

Thượng tắc kính Thiên Thần sự Tổ tiên, hạ tắc độ âm hồn hành âm chất.

上則敬天神事祖先，下則度陰魂行陰騭。

Nghĩa: Trên thì tôn kính Trời Phật Thần Tiên phụng thờ Tổ tiên, dưới thì cứu độ âm hồn làm việc âm đức.

Chú thích: “Âm chất” cũng như “âm đức”, là điều phúc đức không ai biết, âm thầm làm việc công đức chỉ có Trời Phật Thánh Thần biết.

Như thử vi nhân, thứ hồ tận đạo.

如此為人，度乎盡道。

Nghĩa: Làm người như thế, mới mong trọn đạo.

- Bất nhiên, sinh duy vương pháp, tử thụ thiên khiển, vĩnh ly nhân loại, bất do nhân đạo. Ai tai!

不然，生罹王法，死受天譴，永離人類，不由人道。哀哉！

Nghĩa: Bằng không thì, sống mắc phải hình luật, chết bị trời trách phạt, mãi mãi xa rời nhân loại, chẳng có cơ hội sinh trở lại cõi người. Thương thay!

- Nhĩ đẳng ký đầu vi NGÔ đệ tử, tảo tảo hồi đầu, phụng hành chúng thiện, năng khứ chư ác.

爾等既投為吾弟子，早早回頭，奉行眾善，能去諸惡。

Nghĩa: Các người đã đến làm đệ tử của Ta, thì hãy mau mau tỉnh ngộ, vâng làm các việc thiện, chừa bỏ các việc ác.

Thủ đôn ngũ luân, thứ hành âm chất.

首敦五倫，次行陰隲。

Nghĩa: Trước là giữ đạo năm luân, sau là làm việc âm đức.

Tử sắc tài khí, nghiêm nhi tuyệt chi.

酒色財氣，嚴而絕之。

Nghĩa: Những tệ rượu chè, sắc dục, cờ bạc, phải nghiêm túc dứt chừa.

Chú thích: “Tài khí” (hơi tiền), tiền nhờ vận may mà có, không phải tiền chính đáng do công sức làm ra, như cờ bạc, v.v...

Kiêu lận tham ô, cấm nhi giới chi.

驕吝貪汙，禁而戒之。

Nghĩa: Những thói kiêu ngạo, hẹp hòi, tham ô, phải ngăn cấm từ bỏ.

Hành NGÔ nhân nghĩa, bất tuất nhân ngôn.

行吾仁義，不恤人言。

Nghĩa: Làm điều nhân nghĩa như lời Ta dạy, chẳng phải bận tâm đến miệng tiếng của người đời.

Thủ NGÔ trung hiếu, bất phân tục niệm.

守吾忠孝，不紛俗念。

Nghĩa: Giữ đạo hiếu trung như lời Ta dạy, chẳng phải phân vân bởi quan niệm của thế tục.

Xử gia đình dĩ chất phác, di tử tôn dĩ trung hậu.

處家庭以質樸，遺子孫以忠厚。

Nghĩa: Lấy sự chất phác mà đối xử trong gia đình, lấy đức trung hậu mà lưu truyền cho con cháu.

Sĩ nông công thương, các hữu thường nghiệp, bất luân du bạc, hàm quy hậu đức!

士農工商，各有常業，不淪渝薄，咸歸厚德！

Nghĩa: Sĩ nông công thương, ai cũng có nghề nghiệp cơ bản, đừng sa vào thói điều bạc gian dối, đều phải giữ lấy đạo đức nhân hậu!

Chú thích: “Sĩ nông công thương” là bốn giai cấp chính trong xã hội theo cách phân loại thời xưa, gọi là “tứ dân” (bốn dân). Trong đó: Sĩ là từ để chỉ tầng lớp trí thức, có học, có hiểu biết; Nông là chỉ những người nông dân làm ruộng; Công là chỉ những người làm thủ công nghiệp; Thương (hoặc Cô) là những người hoạt động buôn bán. Đây chỉ là cách phân loại chung chung.

- Tự nhiên thần khâm quý phạ, tai khứ phúc lai. Bất tất độc kì NGÔ thần, nhi thiên tường vân tập, vạn phúc biên trần. Khởi bất lạc tai? Nhĩ đẳng miễn nhi hành chi!

自然神欽鬼怕，災去福來。不必瀆祈吾神，而千祥雲集，萬福駢臻。豈不樂哉？爾等勉而行之！

Nghĩa: Tự nhiên thần kính quý sợ, vạ đi phúc tới. Chẳng phải phiền cầu thần uy của Ta, mà nghìn lành hội tụ, muôn phúc cùng đến. Há chẳng vui sao? Các người hãy cố gắng mà làm!

Thảng vi NGÔ huân, vật tụng NGÔ kinh! Lắm chi !

倘違吾訓，勿誦吾經！凜之！

Nghĩa: Nếu trái lời dạy của Ta, thì đừng tụng kinh của Ta! Hãy nghiêm chỉnh tuân theo!

Tụng văn diễn âm:

元慈國母奉演

Nguyên Từ Quốc Mẫu phụng diễn

**Ngàn thu mở hội hoa trời,
Lại đem đào bút diễn lời Chính Kinh.
Ta xưa vốn ở Thiên đình,
Kính vâng Ngọc chỉ giáng sinh đời Trần.
Một lòng giúp nước cứu dân,
Hiếu trung vẹn đạo, kinh luân nổi tài.
Dẹp được hết những loài hồ thỏ,
Nước thanh bình trăm họ yên vui.
Công nên quả mãn được rồi,
Lại vâng về chứng giữ ngôi Phúc thần.
Quyền đại tạo trên ân Ngọc bệ,
Sắc Cửu Thiên Vũ Đế gia phong.
Phương Nam trấn trị oai hùng,
Hiển linh từ đây có công giúp đời.
Tùy tả hữu khâm sai các bộ,**

Vâng lệnh trên, dưới độ người trần.
Xét nay đệ tử bốn dân,
Tám thân dầu có chuyên cần lửa hương.
Mà lòng chưa xét tường mọi lẽ,
Xem hãy còn lắm kẻ tham si.
Cầu tuy có ứng tức thì,
Ứng nay không được lâu vì tại đâu?
Rồi đến nỗi về sau vắng vẻ,
Đạo cùng tâm xiết kể người đời.
Khéo thiêng thay ngổ cơ trời,
Thấy quan Điện Sứ có lời tâu nay.
Đền Hà Lạc ngày ngày đón rước,
Giục xe loan nhẹ bước tới nơi.
Kính văn cất bút dạy đời,
Khuyên răn giữ lấy đạo trời thủy chung.
Người sinh ở trong vòng đại tạo,
Sự nghiệp xưa theo đạo Thánh Hiền.
Sự nghiệp gì đây nên siêng?
Cốt là “trung” “hiếu” lưỡng tuyền mà thôi!
Năm luân ấy theo đòi làm trước,
Thiếu một điều chẳng được nên thân.
Chúng người phải nghĩ chu truân!

**Thế nào con giữ trọn phần hiếu nay?
Làm tôi sao vẹn trung này?
Anh em sao được tháng ngày hòa vui?
Vợ chồng ăn ở trọn đời,
Làm sao biết kính như người khách trên?
Nghĩa bầu bạn sao tin một dạ?
Đạo luân thường đủ cả mới nên.
Trên thờ Trời Phật Thần Tiên,
Rời ra phụng sự Tổ tiên chí thành.
Sau tế độ chúng sinh các loại,
Âm chất nay cũng lại giữ phần.
Thế là người có đạo tâm,
Trời thương được vẹn tiếng tăm ở đời.
Chẳng thế, sống làm người mắc tội,
Chết xuống âm nhiều nỗi thảm hình.
Âm dương hai lẽ công minh,
Tội nhiều phải chuyển súc sinh mọi loài.
Lâu không được làm người trần thế,
Xa đạo người ngấm nghĩ thương thay!
Đã làm đệ tử Ta nay,
Hồi đầu chóng chóng đem ngày thành tâm.
Ác phải bỏ, thiện chăm làm lấy,**

Trước năm luân theo đẩy sửa mình.
Rồi ra lại gắng công trình,
Chăm làm âm chất để dành về sau.
Tửu sắc ấy hay đâu phải nghĩ,
Tài khí kia một tí không vương.
Tham ô kiêu lận mọi đường,
Phải nên răn cấm, chớ thường như xưa.
Mọi điều ấy đã chừa được hết,
Nhân nghĩa làm giữ nét người ta.
Chẳng lo miệng thể gièm pha,
Lại làm trung hiếu của Ta rõ ràng.
Lòng không chút phân màng tục lụy,
Xử gia đình phải nghĩ thực thà.
Dạy con dạy cháu trong nhà,
Giữ bề trung hậu, ấy là lẽ hay.
Bốn dân phải tháng ngày chăm chú,
Giữ nghiệp thường nếp cũ không sai.
Chẳng điều bội nghĩa tham tài,
Chẳng điều điêu bạc đơn sai chút gì.
Giữ đức hậu đều về đạo phải,
Rồi tự nhiên quý hải thần tin.
Tai đi phúc trở về liền,

**Thần Ta chẳng khẩn cũng nên việc mình.
Nghìn lành mây hợp diêm lành,
Muôn xe phúc đến gia đình hỷ hoi.
Thế há chẳng cũng vui thay nhĩ?
Chúng người nên có chí làm đi!
Không nghe Ta dạy nữa thì,
Kính Ta chớ tụng làm chi thêm điều!
Nghe lời đây phải nên theo!**

THU KINH TÁN

楮大僊天尊降收經讚并演音

Chữ Đại Tiên Thiên Tôn giáng bài tán thu kinh diễn âm

萬世江山萬世民，幸逢今日降經文。
宗開三教同規矩，統會諸書大典墳。
欲化我人皆福善，樂從教訓守彝倫。
正經勸世留功德，最顯威聲昔在陳。

**Muôn đời dân nước vẫn còn nguyên,
Kính sách may sao trận bút nghiên.
Ba giáo mở mang cùng phép tắc,
Năm kinh tổng nhật mọi ghi biên.
Muốn đem phúc thiện cùng chung cả,
Dạy lấy di luân biết giữ gìn.
Công đức kinh này đâu xiết kể,
Đời đời hiển tích vẫn lưu truyền.**

NGŨ PHƯƠNG HỔ THẦN QUAN TÁN

范殿帥奉撰五方虎神官贊

Phạm Điện Sứy phụng soạn

Tán viết:

贊曰

**Cực chi ngũ hành,
Địa chi ngũ phương,
Nhân chi ngũ luân,
Thiên chi ngũ thường.**

極之五行，地之五方，人之五倫，天之五常。

**Ngưỡng nhi quan yên,
Ngũ Đế thị hoàng,
Hoàn nhi liệt yên,
Ngũ Hầu nghị vương.**

仰而觀焉，五帝是皇，環而列焉，五侯宜王。

**Ngũ kinh, ngũ vĩ,
Vân Hán vi chương,
Ngũ xa, ngũ hành,
Đầu vận tề quang.**

五經五緯，雲漢為章，五車五衛，斗運齊光。

**Đồ thành ngũ diêm,
Ngũ số chương dã,**

**Trù tự ngũ sự,
Ngũ phúc khang dã.**

圖成五點，五數彰也，疇叙五事，五福康也。

**Ngũ thổ toại tính,
Hậu đức vô cương,
Ngũ quan ty chức,
Thuận đức giả xương.**

五土遂性，厚德無疆，五官司職，順德者昌。

**Như tấu ngũ âm,
Thần nhân kỳ khương,
Như điều ngũ vị,
Đỉnh nãi kỳ trương.**

如奏五音，神人其慶，如調五味，鼎鼐其張。

**Ngô thể năng cần,
Ngũ cốc dụng lương,
Ngô tâm duy tĩnh,
Ngũ trần đốn vong.**

吾體能勤，五穀用良，吾心惟靜，五塵頓忘。

**Ư đông, ư tây,
Nam, bắc, trung ương,
Biển nhi hóa chi,
Ngũ nhạc đường đường.**

於東於西，南北中央，變而化之，五嶽堂堂。

**Vi thanh vi bạch,
Xích hắc huyền hoàng,
Thần nhi thông chi,
Ngũ vị dương dương.**

為青為白，赤黑玄黃，神而通之，五位洋洋。

Dùng mõ.

TẠ LỄ

謝禮

南無忠孝佛

天地覆載之恩

南無仁義佛

神明保佑之福

南無獅子佛

父母生成之德

阿彌陀佛

南無鏡光佛

國君包涵之仁

南無圓明佛

師範教誨之功

Quỳ, chấp tay niệm:

Nam Mô Trung Hiếu Phật.

**Thiên địa phú tái chi ân,
Thần minh bảo hựu chi phúc,
Phụ mẫu sinh thành chi đức,
Quốc quân bao hàm chi nhân,
Sư phạm giáo hối chi công.**

A Di Đà Phật.

(Lễ)

**Nam Mô Nhân Nghĩa Phật.
Thiên địa phú tái chi ân,
Thần minh bảo hựu chi phúc,
Phụ mẫu sinh thành chi đức,
Quốc quân bao hàm chi nhân,
Sư phạm giáo hối chi công.
A Di Đà Phật.**

(Lễ)

**Nam Mô Sư Tử Phật.
Thiên địa phú tái chi ân,
Thần minh bảo hựu chi phúc,
Phụ mẫu sinh thành chi đức,
Quốc quân bao hàm chi nhân,
Sư phạm giáo hối chi công.
A Di Đà Phật.**

(Lễ)

**Nam Mô Kính Quang Phật.
Thiên địa phú tái chi ân,
Thần minh bảo hựu chi phúc,
Phụ mẫu sinh thành chi đức,**

**Quốc quân bao hàm chi nhân,
Sư phạm giáo hối chi công.
A Di Đà Phật.
(Lễ)**

**Nam Mô Viên Minh Phật.
Thiên địa phú tái chi ân,
Thần minh bảo hựu chi phúc,
Phụ mẫu sinh thành chi đức,
Quốc quân bao hàm chi nhân,
Sư phạm giáo hối chi công.
A Di Đà Phật.
(Lễ)**

Nghĩa:

Nam Mô: Kính lạy.

Thiên địa phú tái chi ân: Ổn của trời đất chở che.

Thần minh bảo hựu chi phúc: Phúc của thần linh phù hộ.

Phụ mẫu sinh thành chi đức: Đức của cha mẹ sinh thành.

Quốc quân bao hàm chi nhân: Nhân của quốc vương bao dung.

Sư phạm giáo hối chi công: Công của các thầy dạy dỗ.

Ghi chú: Chữ Quốc quân (國君) theo bản Chính Kinh Sơ Biên. Bản Chính Kinh Diễn Âm là Quốc vương (國王). Ý nghĩa như nhau, thời xưa là vua, thời nay là nhà lãnh đạo đất nước.

Tụng kinh đã xong, tiếp tục tập trung tinh thần, chấp tay khẩn cầu, niệm Phật hồi hướng, công đức thù thắng.

KHẨN CẦU

Quỳ chấp tay khẩn:

Đệ tử khâm phụng Trần triều sắc lệnh, tụng kinh hoàn biến, cần phụng niệm Phật nghi. Khấu đảo vị quá khứ tiên tổ, siêu sinh Tịnh Độ; hiện thế phụ mẫu, khang ninh thọ khảo; gia môn tộc đảng, sở cư địa phương, quân đặc nhân an vật phụ; phổ cập nhất thiết chúng sinh, giải thoát Tam đồ, hàm sinh nhân đạo.

弟子欽奉陳朝敕令，誦經完遍。謹奉念佛儀，叩禱為過去先祖，超生淨土；現世父母，康寧壽考；家門族黨，所居地方，均得人安物阜；普及一切衆生，解脫三塗，咸生人道。

Nghĩa: Đệ tử con kính phụng sắc lệnh Trần triều, tụng kinh đã xong. Nay lại kính phụng nghi thức niệm Phật, xin dập đầu khẩn cầu cho tổ tiên đã qua đời, được siêu sinh về cõi Cực Lạc Tịnh Độ; cầu cho cha mẹ hiện đời, được mạnh khỏe sống lâu; cầu cho gia đình họ hàng, địa phương cư trú, đều được người yên vật thịnh; cùng khắp hết thầy chúng sinh trong Tam đồ đều được giải thoát, tái sinh làm người [để có cơ hội tu trì Phật pháp].

Chú thích: Tam đồ, nghĩa là ba đường, tức ba đường ác trong sáu đường luân hồi (Lục đạo). Chúng sinh luân hồi hết kiếp này sang kiếp khác, quanh quẩn mãi trong Lục đạo, gồm ba đường thiện là Trời, Người, A tu la, và ba đường ác là Địa ngục, Ngã quỷ, Súc sinh. Kiếp này là người, kiếp sau có thể tái sinh làm người, có thể sinh về cõi trời làm thần tiên, có thể đầu thai làm các loài vật, hoặc làm ma quỷ, đều do Nghiệp thiện hoặc ác đã tạo ra khi sống. Người tín nguyện niệm Phật sẽ được về thế giới Cực Lạc, thoát khỏi sáu đường luân hồi, nên niệm Phật là việc quan trọng nhất cần thực hiện.

**Đệ tử con khấu đầu vâng mệnh,
Tụng kinh văn Phật Thánh chứng minh.
Trước tổ tiên nhờ được siêu sinh,
Sau cha mẹ khang ninh hưởng phúc.
Trong nhà cửa mọi người tông tộc,
Chốn địa phương hòa mục mọi điều.
Cùng cho người thịnh của nhiều,
Lại xin cầu khẩn bao nhiêu vong hồn.
Cùng giải thoát quỷ môn âm ngục,
Qua ba đường nhờ phúc ơn trên.
Đạo người lại được hoàn nguyên,
Muôn tâu Phật Thánh Thần Tiên xét cùng.
Con xin bái tạ Cửu trùng!
(Lễ)**

NGHI THỨC NIỆM PHẬT

念佛儀

Quỳ, chắp tay tán dương:

**A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Hám mục trùng thanh tứ đại hải.
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.
Tứ thập bát nguyện độ chúng sinh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.**

阿彌陀佛身金色，相好光明無等倫。

白毫宛轉五須彌，紺目澄清四大海。

光中化佛無數億，化菩薩眾亦無邊。

四十八願度眾生，九品咸令登彼岸。

Dịch nghĩa: Thân Đức Phật A Di Đà màu vàng ròng, tướng đẹp sáng ngời không ai có thể so sánh. Sợi lông trắng giữa hai chân mày như năm quả núi Tu Di xoay uyển chuyển, mắt xanh trong như bốn biển lớn. Trong ánh sáng tỏa từ sợi lông trắng hóa ra vô số ức Phật, và cũng hóa ra vô biên Bồ Tát. Ngài phát bốn mươi tám nguyện tiếp độ chúng sinh [về chín phẩm sen], chín phẩm sen [phẩm nào cũng] đều khiến cho chúng sinh đến bờ giải thoát chứng quả thành Phật.

Dịch thơ (theo Kinh Chú Thường Tụng): Phật Di Đà mình vàng lấp lánh, tướng tốt thay trong sáng khôn bì. Mì trắng toả Tu Di năm núi, mắt như bốn biển lớn trong xanh. Hào quang hóa Phật hình vô ức, hóa Bồ Tát cũng thật vô biên. Bốn tám nguyện khắp miền độ chúng, chín phẩm hàm linh chứng Bồ Đề.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật. (3 lần
Ngồi niệm: 3 lễ).

Nam Mô A Di Đà Phật. (Niệm trăm câu trở lên, đến nghìn câu, vạn câu). (Lễ)

Niệm tối thiểu từ 30 phút đến 60 phút, hoặc lâu hơn tùy ý, càng niệm nhiều càng tốt.

“Nam Mô” ở đây nghĩa là: quy mệnh, “A Di Đà Phật” là danh hiệu Phật. Trong Kinh dạy “chấp trì danh hiệu”, nên có thể niệm suốt sáu chữ **Nam Mô A Di Đà Phật**, hoặc niệm khoảng một vài trăm câu sáu chữ để tỏ lòng quy mệnh, rồi chuyển sang niệm bốn chữ **A Di Đà Phật**.

Khi niệm một mình, có thể niệm to, niệm nhỏ, niệm động môi lưỡi, hoặc niệm thầm trong tâm đều được, cốt sao chăm chú đến câu niệm, không nghĩ ngợi lung tung, niệm rõ ràng từng câu từng chữ, miệng niệm, tai nghe, tâm tưởng nhớ. Khi đông người cùng niệm, thì niệm đều đều và rõ tiếng, hoặc một người niệm rõ từng câu xong mọi người hòa theo.

Quỳ niệm:

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

(10 câu, 1 lễ)

Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát. (10 câu, 1 lễ)

Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. (10 câu, 1 lễ)

Hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí là đệ tử hầu cận bên Đức Phật A Di Đà, Quán Âm bên tay trái, Thế Chí bên tay phải. Ba thầy trò được xưng là Tây Phương Tam Thánh (Tam Tôn). Người niệm Phật lúc lâm chung, hai vị Bồ Tát này cùng với Đức Phật A Di Đà đồng thời đến tiếp dẫn về Tây Phương.

Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát là tất cả những vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc đều rất thanh tịnh. Ba chữ Đại Hải Chúng ngụ ý các vị Bồ Tát ấy nhiều như nước biển.

PHÁT NGUYỆN VĂN

發願文

Quỳ, chắp tay phát nguyện:

Nhất tâm quy mệnh Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

一心皈命西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛。

Nghĩa: Một lòng quy mệnh Đức Phật A Di Đà đại từ đại bi ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thệ nhiếp ngã.

願以淨光照我，慈誓攝我。

Nghĩa: Xin đem ánh sáng thanh tịnh soi chiếu thân con, dùng nguyện từ bi mà thu nhiếp con.

Ngã kim chính niệm, xưng Như Lai danh, vị Bồ Đề đạo, cầu sinh Tịnh Độ.

我今正念，稱如來名，為菩提道，求生淨土。

Nghĩa: Con nay giữ niệm chính, xưng danh hiệu Như Lai, vì đạo Bồ Đề, cầu vãng sinh về cõi Cực Lạc Tịnh Độ.

Chú thích: Như Lai: là một trong mười đức hiệu của chư Phật, ở đây chỉ Đức Phật A Di Đà.

Đạo Bồ Đề: đạo giác ngộ, tức đạo quả thành Phật.

Vãng sinh: Người sống là do Thần thức (thường gọi là Linh hồn) hòa hợp cùng thể xác, khi thể xác bị hoại diệt thì Thần thức rời khỏi, lúc đó gọi là “tử” (chết). Sau khi chết, Thần thức sẽ tiếp tục hòa vào thân mới, lúc đó gọi là “sinh”. Người bình thường không niệm Phật sẽ tái sinh đến một trong sáu đường luân hồi (Lục đạo), để rồi lại chết rồi sinh, cứ luân chuyển mãi, gọi là “sinh tử” hoặc “luân hồi”. Người tín nguyện niệm Phật được về Cực Lạc, gọi là “vãng sinh”, Thần thức được thác vào trong hoa sen, sau sẽ hóa sinh ra thành bậc Thánh xuất thế gian ở đó, chấm dứt “sinh tử luân hồi”, sống mãi đến khi thành Phật.

Phật tích bản thệ: Nhược hữu chúng sinh, dục sinh ngã quốc, chí tâm tín nhạo, nãi chí thập niệm, nhược bất sinh giả, bất thủ Chính Giác.

佛昔本誓：若有眾生，欲生我國，至心信樂，乃至十念，若不生者，不取正覺。

Nghĩa: Xưa Phật thệ nguyện: Nếu có chúng sinh nào, muốn sinh về nước ta, dốc lòng tin ưa, [xưng danh hiệu ta] cho đến mười niệm, nếu không được vãng sinh, thì ta không nhận ngôi Phật.

Chú thích: Khi còn tu nhân, Đức Phật A Di Đà phát 48 lời thệ nguyện cứu độ chúng sinh. Lời nguyện này là nguyện thứ 18, được gọi là “Thập Niệm Tất Sinh Nguyện” hay “Niệm Phật Vãng Sinh Nguyện”, được tôn là “Bản Nguyện Vương” (vua của các bản nguyện), là nguyện cốt lõi trong 48 nguyện, là việc làm vĩ đại của Phật A Di Đà nhằm cứu độ chúng sinh phạm phu một cách chủ động, bình đẳng và vô điều kiện. Thế nên, bất kể ai, dù là người chót làm việc ác, từ đây phát tâm hướng thiện, tin tưởng, nguyện ước về cõi Cực Lạc, thường chăm niệm danh hiệu Ngài (A Di Đà Phật) cho thuần thực, cho thuộc lòng, để đến khi từ giả cõi đời vẫn nhớ niệm được mười niệm, thậm chí một niệm, sẽ được Phật tới đón Thân thức vãng sinh về cõi Cực Lạc.

Dĩ thủ niệm Phật nhân duyên, đắc nhập Như Lai đại thệ hải trung, thừa Phật từ lực, chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng.

以此念佛因緣，得入如來，大誓海中，承佛慈力，眾罪消滅，善根增長。

Nghĩa: Con xin nương nhờ nhân duyên niệm Phật này, được vào trong biển thệ nguyện lớn của Như Lai, nhờ sức từ bi của Phật, mà tiêu trừ các tội, thêm lớn căn lành.

Nược lâm dục mệnh chung, tự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, tâm bất

**tham luyến, diệc bất điên đảo, như
nhập thiền định. Phật cập Thánh
chúng, thủ chấp Kim đài, lai nghênh
nhiếp ngã, ư nhất niệm khoảnh, sinh
Cực Lạc quốc.**

若臨欲命終，自知時至，身無病苦，心不貪戀，亦不顛倒，如入禪定。佛及聖眾，手執金臺，來迎攝我，於一念頃，生極樂國。

Nghĩa: Đến lúc lâm chung, tự biết ngày giờ, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, cũng không điên đảo, như vào thiền định. Phật cùng Thánh chúng, tay bưng đài vàng, đến tiếp dẫn con, trong khoảng một niệm, vãng sinh về nước Cực Lạc.

**Hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa,
đón khai Phật tuệ, quảng độ chúng
sinh, mãn Bồ Đề nguyện, quảng độ
chúng sinh, mãn Bồ Đề nguyện!**

花開見佛，即聞佛乘，頓開佛慧，廣度眾生，滿菩提願，廣度眾生，滿菩提願。

Nghĩa: Đến khi hoa nở thấy Phật, được nghe giáo pháp Phật, thông tỏ trí tuệ Phật rồi, con sẽ cứu độ khắp chúng sinh, viên mãn tâm nguyện Bồ Đề, cứu độ khắp chúng sinh, viên mãn tâm nguyện Bồ Đề!

**Tự quy y Phật, đương nguyện chúng
sinh thể giải đại đạo, phát vô thượng
tâm. (Lê)**

自皈依佛，當願眾生，體解大道，發無上心。

Nghĩa: Con quy Phật rồi, nguyện cho chúng sinh thấu hiểu đạo lớn, phát tâm vô thượng.

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sinh thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải. (Lễ)

自皈依法，當願衆生，深入經藏，智慧如海。

Nghĩa: Con quy Pháp rồi, nguyện cho chúng sinh thông thuộc kinh tạng, trí tuệ như biển.

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sinh thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại. (Lễ)

自皈依僧，當願衆生，統理大眾，一切無礙。

Nghĩa: Con quy Tăng rồi, nguyện cho chúng sinh hòa hợp đại chúng, hết thấy không ngại.

**Hòa Nam
Tam Tôn Thánh Chúng.
和南三尊聖衆。
Nghĩa: Kính Lạy Tam Tôn Thánh Chúng.
Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhất thiết,
Ngã đẳng dĩ chúng sinh,
Giai cộng thành Phật đạo.**

願以此功德，普及於一切，我等與衆生，皆共成佛道。

Nghĩa: Nguyện đem công đức này, hồi hướng về khắp cả, đệ tử và chúng sinh, đều trọn thành Phật đạo.

(Lễ ba lễ).

Đến đây đã hoàn mãn thời khóa tụng kinh niệm Phật theo nghi thức Trần triều vào những ngày mồng một, ngày rằm hàng tháng âm lịch, và các ngày lễ tết, ngày sinh, ngày giỗ chư tôn.

Ngoài ra, những lúc không tụng kinh, thì mỗi ngày hai thời sáng tối niệm Phật theo bài Nghi Thức Niệm Phật và tụng bài Phát Nguyện Văn như trên, hoặc theo bài Khóa Trình Niệm Phật Thông Dụng Hằng Ngày được in kèm trang sau.

*Pháp tu này thực dễ thành
Chẳng cứ quý tiện hay mình hiền ngu
Trẻ già tăng tục cùng tu
Nghèo giàu trai gái cũng như một đường
Đều cùng niệm Phật ngày thường
Tiếng hoặc to nhỏ cứ đường làm ăn
Hoặc đỉnh lễ, hoặc tràng lân
Hoặc ngồi, hoặc đứng, hay nhân lúc nằm
Cũng cứ niệm Phật nhất tâm
Cầu sinh An Dưỡng, tín cầm chớ sai
Niệm Phật bền giữ hôm mai
Vui mừng, sầu não, chớ sai trong lòng
Lúc mạnh khỏe, hoặc bệnh chung
Hoặc khi bức bách chẳng chừa sai thời.*

KHÓA TRÌNH NIỆM PHẬT THÔNG DỤNG HẰNG NGÀY

Khóa trình ngắn gọn này dành cho tất cả mọi người. Thắp hương niệm trước điện Tam Bảo, trước ban thờ Phật, trước ban thờ Thánh, trước ban thờ gia tiên, trước hình tượng Phật. Hoặc ngồi ở bất kỳ nơi nào sạch sẽ (không cần thắp hương), cứ thành tâm hướng về phía Tây. Ngày hai thời sáng tối, lễ bái, tụng niệm ra tiếng hoặc niệm thầm như sau:

- **Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo.** *(Niệm một lần, lễ một lạy).*

- **Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** *(Niệm một lần, lễ một lạy).*

- **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.**

(Niệm một lần, lễ một lạy).

- **Nam Mô A Di Đà Phật.** *(Niệm ba lần).*

Con cầu Phật từ bi cứu độ, khi mãn phần, xin Phật đón con về Tây Phương Cực Lạc, để trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sinh. *(Lễ một lạy).*

Chuyển niệm bốn chữ: A Di Đà Phật.

(Niệm 15 phút, 30 phút, 60 phút tùy ý. Niệm xong lễ một lạy).

- **Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát.**
(Niệm ba lần, lễ một lạy).
- **Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát.**
(Niệm ba lần, lễ một lạy).
- **Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.** *(Niệm ba lần, lễ một lạy).*
- **Nguyện đem công đức này,
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ.
Trên đền bốn ơn nặng,
Dưới cứu ba đường khổ.
Nếu có ai thấy nghe,
Đều phát tâm Bồ Đề.
Hết một báo thân này,
Đồng sinh về Cực Lạc.**
(Niệm xong lễ ba lạy). (Xong khóa lễ).

Ngoài ra trong mọi lúc, ở mọi nơi, khi đầu óc không tính toán, không giao tiếp, cứ thắm niệm bốn chữ ‘A Di Đà Phật’ cho thuần thực, cho in sâu vào trong tâm, luôn nhớ không để lãng quên.

Chỉ thành hướng thiện niệm Phật được Phật gia hộ, thân tâm an vui, mọi việc thuận lợi, chuyển hóa thành phúc, giảm bớt bệnh khổ, sau khi tuổi thọ hết được vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, thoát khỏi luân hồi, an vui vĩnh viễn, trường sinh bất diệt đến khi thành Phật.

MƯỜI LỢI ÍCH LỚN CỦA VIỆC NIỆM PHẬT

Này công niệm Phật có mười
Rành rành Phật nói, bảo người ta hay:

“Một là thần tướng đêm ngày
Chư Thiên lục sĩ đều nay hộ trì”

“Hai là Quan Âm từ bi
Cùng chư Bồ Tát thường khi cứu mình”

“Ba là chư Phật chứng minh
A Di Đà Phật hiện hình phóng quang”

“Bốn là ma quỷ chẳng đương
Ác xà, độc dược, vẫn thường lánh xa”

“Năm là thủy hỏa can qua
Cung tên oan tặc vẫn là chẳng chi”

“Sáu là túc nghiệp tiền vi
Oan khiên chấp đối không gì đến ta

“Bảy là mộng thấy Di Đà
Tử kim sắc tướng Phật là chân thân”

“Tám là nhan sắc quang nhuận
Lòng thường hoan hỷ bội phân cát tường”

“Chín là người thể yếu đương
Cung kính như Phật, nói thường tin nghe”

“Mười là lâm mệnh không mê
A Di Đà Phật dẫn về Tây Phương”

Niệm trì cứ giữ mãi thường
Năm ba trăm tiếng rõ ràng quy y
Thế gian công đức khôn bì
Rồi về nước Phật, phúc thì dài lâu.

TRẦN TRIỀU HIỂN THÁNH HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG GIÁNG HUẤN THỊ

(Phụ sau Chính Kinh Diển Âm)

辛未年九月初十日欽奉

陳朝顯聖興道大王降訓示

Nước Nam ta xưa nay thượng quỷ⁽¹⁾,

Thì nguyên nhân là ý làm sao?

Nắng mưa thay đổi biết bao,

Đến nay sự tích lịch triều còn biên.

Phía Tây nọ Tản Viên, Bát Bạt,

Miền Thanh kia Phố Cát, Đền Sòng.

Hương Sơn nay thuộc Hà Đông,

Trong ba chốn ấy ai không bảo là.

Còn các tích kể ra khôn xiết,

Nói qua qua cho biết căn do.

Làng nào cũng có đình chùa,

Đều là hương khói phụng thờ uy nghi.

Người thì khẩn phù trì ủng hộ,

Người thì cầu phú thọ khang ninh.

Nếu mà ai dốc lòng thành,

Ắt là hiển ứng anh linh rất nhiều.

Còn những bậc công lao trong nước,

Vẫn miếu đền từ trước nguy nga.

Bái sùng cả những nước nhà,

Người ngoài đến cũng phải là kính tôn.

(1) Thượng quỷ (尚鬼): ưa chuộng trò ma, tức là mê tín dị đoan.

Lại bàn đến tông môn Tam Giáo⁽²⁾,
Nghiên cứu ra một đạo mà thôi.
Cùng là khuyên dạy người đời,
Cùng là cứu vớt mọi loài chúng sinh.
Đạo nào cũng có kinh có điển,
Để dạy người tu luyện lấy thân.
Thích răn ái dục tham sân,
Nho khuyên bát mục⁽³⁾ ngũ luân vẹn tuyền.
Đạo thì khuyên luyện rèn tâm tính,
Cốt tu cho đoan chính hồn thuần⁽⁴⁾.
Xem như ba đạo dạy răn,
Thực là ích lợi nhân quần lắm thay.
Ngán phong tục mỗi ngày mỗi tệ,
Mượn Thánh Thần ra để kiểm ăn.
Điện đài trống phách rập rình,
Nghê nga câu kệ câu canh làm nhàm.
Bảo cầu độ âm dương lạc lợi,
Đặt bày ra lắm lối xa ngoa.

(2) Tam Giáo (三教), Ba Giáo, gồm: Thích (Phật giáo); Nho (Khổng giáo); Đạo (Lão giáo).

(3) Bát mục (八目): 1/Cách vật (luôn tiếp xúc, nghiên cứu kỹ sự vật, sự việc để nhận rõ thực chất, phải trái); 2/Trí tri (luôn ngẫm nghĩ để thấu hiểu điều mình đã nhận thức được); 3/Thành ý (luôn chân thật, không dối người và không dối mình); 4/Chính tâm (luôn suy nghĩ, hành động ngay thẳng, chính trực và làm chủ bản thân mình); 5/Tu thân (luôn nghiêm khắc với bản thân mình, sửa chữa những thiếu sót, không bảo thủ để nhận rõ sai sót nhằm hoàn thiện bản thân); 6/Tề gia (làm cho gia đình mình tốt đẹp, tề chỉnh, có nề nếp, gia phong); 7/Trị quốc (lo toan việc nước, cai trị đất nước cho có kỷ cương, phép nước); 8/Bình thiên hạ (khiến cho thiên hạ thái bình, lòng người quy thuận).

(4) Hồn thuần (渾純): thật thà chất phác.

Gạo tiền lựa vải vịt gà,
Thuyền bè voi ngựa phí đà biết bao.
Hỏi âm luật thế nào không biết,
Hỏi luân hồi chuyển kiếp không hay.
Lạ sao lắm kẻ ngu thay!
Nghĩ rằng có tội làm chay thoát nần.
Vây phí đến trăm ngàn không ngại,
Thực đem tiền mua cái đại thêm.
Đồ cho Phật Thánh Thần Tiên,
Cũng tham lấy lễ lấy tiền của dân.
Thối thượng quỷ nguyên nhân đâu thế?
Nên người ngoài khinh dễ mình ngu.
Càng ngày cái đại càng to,
Gái trai già trẻ cùng xô một đường.
Nay Phật Thánh rộng thương con đỏ,
Tấu xin cho khắp mở thiện đàn.
Mượn tay kê bút⁽⁵⁾ giáng loan,
Thi ca huấn dụ bảo ban rạch ròi.
Mong nhân thế kịp hồi tâm lại,
Khỏi mang điều ngu đại bấy nay.
Tiện đây ta bảo cho hay,
Nghìn năm dễ gặp hội này nữa đâu.
Các con đã quy đầu cửa thiện,
Trì lấy kinh mà luyện lấy tâm.
Ở ăn hợp đạo cao thâm,
Ấy là Thần Thánh chiếu lâm đó rồi.

(5) Kê bút (乚筆): bút cầu thần làm bằng gỗ đào, nên cũng gọi là bút đào, dùng để viết chữ lên mâm gạo khi Tiên Thánh nhập thân giáng bút.

Đừng như trước nào sai nào luyện,
Tay dịp dàng mà miệng châu vắn.
Bảo là đạo pháp Thánh Trần,
Cầm dao rạch lưỡi xuyên linh qua môi.
Ấy phương thuật những loài ma quỷ,
Để cho người thấy thế mà tin.
Ta đây là bậc Thiên Tiên,
Lẽ đâu ngu dại càn xiên thế mà.
Kẻ nghi tín thôi đà không kể,
Còn sinh viên tử đệ con nhang,
Muốn cầu phú quý thọ khang,
Phải đem chiếu chỉ Ngọc Hoàng mà coi.
Nay hội cuối là đời mạt kiếp,
Bọn cử lưu⁽⁶⁾ lắm chước lạ lùng.
Thực là quấy rối nhiều dòng,
Sai thù mất cả đạo trong đi rồi.
Thêm ngán nỗi lòng người xô đẩy,
Không khác nào nước chảy bè trôi.
Thiên tai địa kiếp bời bời,
Tại trời? Chính thực tự người ta chiêu.
Ở Tam Thánh cầu kêu khẩn thiết,
May hãy còn đại kiếp cô khoan.
Đem kinh tâm pháp truyền ban,
Thực là muốn cứu man vắn sinh linh.
Nay thử ngấm thị thành thôn ỏ,
Những nơi nào đã có thiện đàn.
Kính văn khuya sớm tụng chuyên,

(6) Bọn cử lưu (九流): chỉ những người dùng thuật bịp bợm lừa gạt.

Ắt là cũng được bình yên mọi bề.
Còn những kẻ gièm chê báng bổ,
Vương tai nạn khôn khổ dường bao.
Biết đâu chứng ứng cung chiêu,
Đã chua vào sổ còn kêu được nào.
Ngôi ta ở Thiên Tào chường bạ,
Quyền ta coi khắp cả Nam châu.
Thấy đời lắm nổi thảm sầu,
Vây đem tiết lộ cơ màu cho hay.
Muốn qua khỏi tai này nạn nọ,
Muốn Thánh Thần ủng hộ bình an.
Phải tuân lời sắc Ngọc Hoàng,
Đem kinh tâm pháp năm chương tụng trì.
Câu nào cũng suy đi nghĩ lại,
Có lỗi nhầm thì phải ăn năn.
Nếu mà chỉ tụng qua lần,
Khi nào mong được Thánh Thần giám lâm.
Cũng lắm kẻ thường chăm lễ bái,
Nay phủ Bà, mai lại đền Ông.
Khẩn cầu ngoài miệng rất thông,
Còn như đạo Thánh trong lòng không ghi.
Còn những người Tam quy Ngũ giới,
Đến cửa chùa tay vái miệng râu.
Chỉ cầu con thịnh của giàu,
Còn như kinh Phật một câu không nhằm.
Kẻ thì xuất hàng trăm hàng chục,
In kinh văn phát khắp mọi nơi.
Để mà khuyến hóa người đời,

Mà mình mười lỗi cả mười không tu.
Kẻ tô tượng làm chùa cầu phúc,
Mà trong lòng ác độc không thôi.
Sao không biết đạo Phật Trời,
Chỉ là để phúc cho người thiện nhân.
Lại lắm kẻ ở ăn càn rỡ,
Kính Thánh Thần báng bỏ gièm pha.
Thấy chưa hại đến cửa nhà,
Ngỡ rằng Thần Thánh cao xa chẳng hề.
Biết đâu đã bút phê sổ chép,
Vạ tóc tơ ghi hết rõ ràng.
Trừ khi tội ác quán doanh⁽⁷⁾,
Bấy giờ bắt xuống âm minh gia hình.
Rồi đày đọa súc sinh mọi kiếp,
Để đền khi ác nghiệt trần gian.
Cháu con khốn khổ gian nan,
Rặt là quả báo tổ tiên di truyền.
Thế mới phải lập đàn giải kết,
Để cắt quang oan nghiệt xưa nay.
Thói thường vẫn gọi đàn chay,
Đã ai biết đạo dở hay thế nào?
Nay nhân tiện bút đào tứ huấn⁽⁸⁾,
Đem phép mẫu chỉ dẫn khúc nôi⁽⁹⁾,
Người nay sinh ở trên đời,

(7) Quán doanh (貫盈): tội ác đầy rẫy.

(8) Tứ huấn (賜訓): ban lời răn dạy.

(9) Khúc nôi (曲妥): sự tình, nỗi niềm, đầu đuôi.

Làm ăn trái lỗi đạo trời chan chan.
Ấy nghiệp chướng tiền oan ở đây,
Thực tai ương vời lấy tự mình.
Hoặc là khởi tự tiền thân⁽¹⁰⁾,
Hoặc là tiên tổ ác nhân lưu truyền.
Muốn cầu nguyện oan khiên giải thích⁽¹¹⁾,
Phải lập đàn niệm Phật tụng kinh.
Phải tu số điệp tâu trình,
Âm triều, dương phủ, thiên đình các nơi.
Trong nhà phải trì trai giới sát⁽¹²⁾,
Đàn tràng thì trong sạch tôn nghiêm.
Thỉnh cầu trong mấy ngày đêm,
Kinh văn mấy bộ cần chuyên tụng trì.
Chớ khua náo âm ì chiêng trống,
Không thuyền bè sủng ống ngựa voi.⁽¹³⁾
Hương hoa đủ lễ thì thôi,
Cứ gì oản quả chè xôi mới thành.
Ban phổ độ chúng sinh lập đó,
Đề theo cùng tiên tổ thánh kinh.
Cả nhà dốc một lòng thành,
Ắt là Phật Thánh chứng minh hộ trì.
Tự nhiên thân nạn tương ly!

(10) Tiền thân (前身): kiếp trước.

(11) Giải thích (解釋): giải trừ.

(12) Trì trai giới sát (持齋戒殺): giữ thân miệng ý thanh tịnh, ăn chay, không sát sinh.

(13) Thuyền bè sủng ống ngựa voi: ở đây nói đến các đồ hàng mã.

TRẦN HIỂN THÁNH LUYỆN VĂN

(Trích trong Dục Sơn Ký Tích Toàn Biên)

陳顯聖鍊文

Thuở nhà Trần mở mang Bắc Trục,
Đất Thiên Trường, Tức Mặc, Hưng Vương.
Nghìn năm quân tể minh lương,
Trời sinh Thánh tướng khác thường người ta.
Ấy lúc trước Thánh Bà kỳ vọng,
Thực Tiên Đồng ứng mộng phân minh.
Vừa năm Mậu Tý⁽¹⁴⁾ hành canh,
Mồng Mười tháng Chạp giáng sinh giờ Dần.
Khi trưởng đại chuyên cần học thức,
Cuốn thi thư chở chất năm xe.
Kể chi những chuyện xa xa,
Đem câu trung hiếu trác ma trong lòng.
Hoặc có lúc vào trong nội thị,
Chôn kinh diên đạo vị giảng đàm.
Những câu nghĩa lý uyên hàm,
Tâm thần lĩnh lược để làm kinh luân.
Hoặc có lúc binh Trần vũ điện,
Tay cung tên tập luyện tung hoành.
Lại đem thao lược giảng minh,
Thẻ lòng Trương Tử, nước tình Thái Công.
Những binh thư lầu thông mấy bộ,
Dấu Tôn Ngô tài bộ nào thua.

(¹⁴) Mậu Tý: tức năm 1228, năm Hưng Đạo Đại Vương giáng sinh. Dục Sơn Ký Tích Toàn Biên khắc nhầm thành Nhâm Tý. Nhâm Tý là năm 1252, mà năm 1258 Đại Vương đã chỉ huy quân đội đánh đuổi giặc Mông Cổ.

Phong vân long hổ trận đồ,
Tám lòng đã tỏ, giặc đồ há dung.
Vừa gặp lúc sóng lòng cửa bể,
Vua nhà Nguyên ngấp nghé Nam bang.
Tiền dinh Ô Mã, Phạm Nhan,
Tàu ba trăm chiếc duyên giang kéo vào.
Quân năm ức lao xao Hồ mã,
Trên triều đình chiếu hạ tiến công.
Mấy phen có Đức Thánh Ông,
Vua sai lĩnh ấn nguyên nhung đứng đầu.
Các bộ tướng kéo sau hội chiến,
Theo trung quân tứ diện bình Nguyên.
Đằng Giang các trại tiến lên,
Thủy kia bộ nọ mũi tên giáo trường.
Quân tả hữu đương trường tróc hoạch,
Quân tiền hậu chém sạch hung tinh.
Trận tiền bắt được Bá Linh,
Phân làm ba khúc dẫn mình trường giang.
Còn những lũ tiểu quan, tàn tốt,
Xá cho về bản quốc duyên sinh.
Cờ đào tiếp báo đế đình,
Khải hoàn tướng sĩ tung bừng tấu công.
Chức lớn nhỏ vinh phong các tướng,
Đức Thánh Ông tiến tước Đại Vương.
Thực là dòng dõi Ngân Hoàng,
Một nhà chung đỉnh, bốn phương vang lừng.
Nào biết chuyện chín lần cao thấp,
Xe thân vương về thẳng Bồng Châu.

Đôi Mười tháng Tám mưa châu,⁽¹⁵⁾
Phật đầu mấn quả, Tiên đầu đầy thuyền.
Tưởng công đức sinh tiền đó tá,
Chôn Dục Sơn hạc hóa còn truyền.
Cùng trong Vạn Kiếp đất liền,
Dựng đền ở giữa thiên niên vững vàng.
Sông Sáu Đầu mấy làn nước chảy,
Ngoài diện tiền khắc thấy hợp giao.
Đôi bên Long Hồ núi cao,
Người rằng Bắc Đẩu, Nam Tào châu sang.
Trông bốn mặt mấy ngàn sơn thủy,
Tay Hóa Công sáng thủy cũng hay.
Đất thiêng chung dục ngày nay,
Dấu ngoài tang hải ở nơi thạch bàn.
Người chiêm bái mấy ngàn thiện tín,
Phép uy linh nức tiếng Bắc Nam.
Cứu người phải bệnh ma làm,
Hoặc người lại có Phạm Nhan ra hình.
Cứu những kẻ hữu sinh vô dưỡng,
Hoặc có người lại vướng tiền oan.
Các nhà phụng sự lửa nhang,
Xin rằng trắc giáng trước đàn chứng minh.
Cho lấy chữ khang ninh phú quý,
Lại xin cho đa tử đa tôn.
Ngày ngày hưng vượng gia môn,
Tiến lên cõi thọ trường tồn phúc cơ.

(15) Đôi Mười tháng Tám mưa châu (Hai Mười tháng Tám mưa thu): ngày Đức Thánh Trần hóa 20 tháng 8 âm lịch năm Canh Tý (1300).

BÀI ĐỌC THÊM

LỤC ĐẠO LUÂN HỒI

Vũ trụ bao la vô tận, có vô vàn thế giới, có thế giới thanh tịnh (tịnh độ), có thế giới ô nhiễm (uế độ), mỗi thế giới có một Đức Phật làm giáo chủ giáo hóa chúng sinh, nên một thế giới gọi là một Phật Độ (cõi Phật). Trái Đất ta đang sống chỉ là một nơi rất bé nhỏ trong thế giới Sa Bà, thuộc phạm vi giáo hóa của Đức Phật Thích Ca. Tuy vô số thế giới có đa dạng môi trường sinh sống trong nhiều chiều không gian, nhưng tất cả được quy nạp về Mười Pháp Giới, gồm Tứ Thánh (bốn pháp giới Thánh, gồm: Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn) và Lục Phàm (sáu pháp giới phàm, gồm: Thiên, Nhân, A tu la, Súc sinh, Ngã quỷ, Địa ngục). Nói rộng thì có mười, nói gọn chỉ có hai, đó là: Phật và chúng sinh (Phật-Sinh).

Chúng sinh hay còn gọi là chúng hữu tình, chia ra Thánh Phàm khác nhau. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát là chúng sinh bậc Thánh, các Ngài là chúng sinh ngoài cõi luân hồi. Từ chư thiên trở xuống là chúng sinh phàm phu, đều là chúng sinh trong cõi luân hồi.

Chữ Thánh trong Phật giáo chỉ chung các bậc Thánh xuất thế gian, đã thoát ly sinh tử luân hồi. Còn chữ Thánh trong các tôn giáo tín ngưỡng hay các đạo là từ tôn xưng các bậc thần tiên hoặc những bậc có nhân cách lớn trong xã hội, là Thánh thế gian, theo Phật giáo đều là chúng sinh phàm trong cõi luân hồi.

Tất cả chúng sinh phàm được quy nạp thành sáu loại, sống trong sáu môi trường lớn, gọi là Lục đạo hay Lục thú, nghĩa là sáu đường hoặc sáu nẻo, hoặc gọi là sáu cõi, gồm: Thiên đạo, Nhân đạo, A tu la đạo, Súc sinh đạo, Ngã quỷ đạo, Địa ngục đạo.

1- Thiên đạo (cõi trời): Mỗi Đại Thiên Thế Giới chia ra Tam Giới (ba cõi). Thiên đạo gồm: sáu tầng trời Dục Giới, mười tám tầng trời Sắc Giới và bốn tầng trời Vô Sắc Giới.

Dục Giới là thể giới cư trú của chúng hữu tình đầy dâm dục, tình dục, sắc dục, tham dục, v.v... Cõi này bao gồm: trên là sáu tầng trời, giữa có bốn châu lớn của con người và dưới đến Vô Gián Địa Ngục, v.v... Do vì nam nữ cùng sống chung với nhau, nhiễm các mong muốn, nên gọi là Dục Giới, càng lên cao mức dục càng giảm nhẹ.

Chúng sinh cõi trời Dục Giới thân thể cao lớn, đời sống vui vẻ, thọ mạng dài lâu, có năm loại thần thông, y phục, thức ăn, châu báu, cung điện tự nhiên hóa thành, tùy theo ý muốn, tiêu dao tự tại.

Siêng năng thực hành Thập Thiện, hiếu dưỡng cha mẹ, bố thí rộng rãi, tạo phúc điền lớn; quy y Chính Pháp, tin Phật, tin nhân quả, trai tăng, cúng Phật, sửa tháp xây chùa, đọc tụng kinh Đại thừa, trang nghiêm tượng Phật, v.v... sẽ được sinh về cõi trời Dục Giới. (Thập Thiện, mười nghiệp lành: thân không sát sinh, trộm cướp, tà dâm; miệng không nói dối, nói hai chiều, nói thêu dệt, nói lời độc ác; ý không tham lam, sân giận, si mê).

Tu Thiện định sẽ tùy theo mức độ đắc định mà sinh về cõi trời Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Sắc Giới, sắc ở đây có nghĩa là thị hiện (hiện rõ), là thể giới cư trú của chúng hữu tình đã xa lìa được dâm dục, thực dục và có đầy đủ sắc chất thanh tịnh. Cõi này nằm trên Dục Giới, không có dục nhiễm, cũng chẳng có hình nữ; chúng sinh ở đây đều do hóa sinh mà có. Cung điện tại đây cao lớn, do sắc hóa sinh, nên hết thảy đều đặc biệt, khác thường. Do vì cõi này có sắc chất nên được gọi là Sắc Giới. Căn cứ vào Thiện định sâu cạn, thô tế mà cõi này được chia thành bốn cấp khác nhau ở trong 18 tầng trời.

Vô Sắc Giới là thể giới cư trú của chúng hữu tình không có vật chất, mà chỉ có bốn tâm là: thụ, tưởng, hành và thức. Cõi này không có vật chất, thân thể, cung điện, quốc độ gì cả, chỉ lấy tâm thức mà trú trong Thiện định sâu xa vi diệu, nên có tên gọi như vậy. Gồm bốn tầng trời nằm trên Sắc Giới.

Về thời gian thì một ngày đêm ở cõi trời Tứ Vương (tầng trời thấp nhất, ở ngay phía trên cõi nhân gian) bằng 50 năm ở nhân gian, một ngày đêm ở cõi trời Đao Lợi (tầng trời thứ hai) bằng 100 năm ở

nhân gian, một ngày đêm ở cõi trời Dạ Ma (tầng trời thứ ba) bằng 200 năm ở nhân gian, một ngày đêm ở cõi trời Đâu Suất (tầng trời thứ tư) bằng 400 năm ở nhân gian, một ngày đêm ở cõi trời Hóa Lạc (tầng trời thứ năm) bằng 800 năm ở nhân gian, một ngày đêm ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại (tầng trời thứ sáu) bằng 1.600 năm ở nhân gian, v.v...

Về tuổi thọ thì chư thiên cõi trời Tứ Vương thọ 500 tuổi (bằng 9 triệu năm ở nhân gian), chư thiên cõi trời Đao Lợi thọ 1.000 tuổi (bằng 36 triệu năm ở nhân gian), cứ lên tầng trên lại tăng gấp lên, cho đến chư thiên cõi trời cao nhất là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ thọ 84.000 đại kiếp.

Sắc Giới và Vô Sắc Giới chỉ có chúng sinh cõi trời thuộc Thiên đạo cư trú. Năm đường còn lại được nói tới sau đây đều thuộc Dục Giới.

2- Nhân đạo (cõi người): Cư trú ở bốn châu quanh núi Tu Di, dưới trời Tứ Vương. Người ở Diêm Phù (Trái Đất chúng ta) vui ít khổ nhiều, tâm luôn chứa đầy phiền não; có các hoạt động tư duy phức tạp, giỏi về phát minh sáng tạo; có sức ý chí mạnh mẽ, có năng lực tạo tác nghiệp nhân thiện và ác, có nhu cầu nội tâm tìm kiếm sự giải thoát.

Muốn tái sinh trở lại cõi người cần phải giữ trọn Ngũ Giới, hiếu dưỡng cha mẹ, lương tâm công bằng, cung kính Tam Bảo. (Ngũ Giới, năm giới, không: sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu và sử dụng các chất gây nghiện).

3- A tu la đạo (cõi A tu la): Dịch là “phi thiên” (chẳng phải trời) vì tuy có phúc trời nhưng không có đức trời, lại dịch là “vô đoan” (xấu xí) vì nam rất xấu, nữ rất đẹp, đặt tên theo hình nam. Tuy có phúc của trời, thần thông tự tại, nhưng lại kiêu mạn, sân hận, đố kỵ, thường thích đấu tranh, chịu khổ không dứt.

Những người dùng tâm bất tịnh để tu Thập thiện nghiệp, không thể nhẫn nhục, tranh cường háo thắng, tính dễ nóng giận, kiếp sau thường sinh về cõi A tu la.

A tu la đạo có khi được gọi là đường lạnh, có khi được gọi là đường dữ. A tu la có nhiều dạng, cư trú trong bốn đường: Trời,

Người, Súc sinh và Ngã quỷ. Ở cõi trời thì thường gây chiến tranh với vua trời Đế Thích. Trên Trái Đất, bọn hay gây gỗ chiến tranh, cho đến những người tính nóng giận, dù tâm tốt hay xấu đều là A tu la trong loài người.

Cho nên có kinh không nói đến A tu la, chỉ kể năm đường còn lại gọi là Ngũ thú. Ngoài ra còn một loại nữa là Tiên cũng cư trú trong bốn đường: Trời, Người, Súc sinh và Ngã quỷ. Trong kinh Hoa Nghiêm kể thêm cõi Tiên thành bảy đường gọi là Thất thú. Thông thường chỉ nói đến Lục đạo, là sáu pháp giới phàm phu.

4- Súc sinh đạo (đường Súc sinh, cũng đọc là Súc sanh): Nói rộng là Bàng sinh, có nhiều loại, phúc phận khác nhau, cư trú cả trên các cõi trời Dục Giới và cõi người. Cõi người chúng ta thấy đa dạng các loài động vật cho đến các loài côn trùng bé nhỏ đều là súc sinh, đa số là những loài vô phúc, tính ngu độn, tranh giành, cấu xé, ăn thịt lẫn nhau, thường bị sai khiến, bị giết thịt.

Những người tham ăn rượu thịt, tìm cầu hoan lạc, mượn nợ không trả, trộm lừa người khác; náo hại chúng sinh, hủy nhục người khác; tính tình tà vạy, ngu si, kiếp sau thường sinh về đường Súc sinh.

5- Ngã quỷ đạo: Cũng đọc là Nga quỷ, nghĩa là “ma đói”, đây chỉ là cách gọi riêng về loài ma quỷ chịu khổ do ác nghiệp đời trước. Thực ra đường này gọi là “Quỷ thần” mới đủ nghĩa, vì trong đường này có rất nhiều loại, có loại có uy phúc, có loại không có uy phúc, đây là do những nghiệp nhân thiện ác bất định từ kiếp trước. Loại có uy phúc cũng có cung điện, thân tướng trang nghiêm, hoặc được dùng những trân vị cam lộ, hoặc được người thờ cúng. Có chính thần, có tà thần. Các bậc thánh thần trong tín ngưỡng dân gian như các vị thần thành hoàng, thần miếu, đền, điện, phủ, thổ công chúa đất, táo phủ thần quân, v.v... được dân thờ cúng, đều là chính thần, luôn hộ trì giúp đỡ nhân gian.

Phần nhiều là loại không có uy phúc, khổ sở, ở chỗ âm u, đa số là các loài ma đói phải cậy nhờ người khác cho ăn, đói khát bức bách, hình dáng thấp hèn, nhiều điều sợ hãi, cô đơn rét lạnh, suốt ngày mê loạn. Những người sống keo kiệt tham lam, ghen ghét đố

ky, gian tà, nịnh bợ, lấy công làm tư, chỉ toan tính cho mình no ấm, không thương kẻ khác đói rét, không cứu giúp người hoạn nạn nghèo khổ, kiếp sau sẽ chuyển sinh làm loài ngã quỷ.

Quý thần dù ít dù nhiều đều có linh thông, nhớ được kiếp trước, biết được ý nghĩ, biết được những việc quá khứ của người khác, v.v...

6- Địa ngục đạo: có tên là Nê lê, Nại na ca, dịch là “khổ cụ”, ý là dụng cụ để cho chúng sinh làm việc ác chịu khổ. Nhân vì vị trí nơi này thường ở tầng dưới đất, lại là nơi chịu khổ như ngục tù nên gọi là Địa ngục. Nhưng Địa ngục không phải đều ở dưới, mà có khi ở trên mặt đất, hoặc dưới nước, hoặc trên hư không, rất nhiều dạng khác nhau. Chúng sinh ở đó, thân chịu nhiều cực hình, tâm chịu khổ tột cùng. Hoặc bị lửa thiêu nướng, hoặc bị rét lạnh, hoặc bị dao chặt, bị cưa xẻ, hoặc bị giường sắt nướng thân, bị bỏ vào chảo dầu nấu, chiên, hoặc nhiều kiểu giết chóc, chết đi sống lại nhiều lần, khổ cực vô cùng, nhưng tuổi thọ ở Địa ngục lại rất lâu dài, không biết ngày nào thoát ra được. Các bậc chứng Thánh quả, có Túc mệnh thông, khi nhớ lại kiếp quá khứ ở trong Địa ngục mà các Ngài toát ra mồ hôi máu.

Những người không tin nhân quả, sát hại chúng sinh, tuân lệnh tà giáo, mê hoặc lòng người, ngũ nghịch thập ác, phỉ báng Chính Pháp, kiếp sau khó thoát khỏi địa ngục. (Ngũ nghịch: Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng).

▪ Dân gian thường nói đến “cõi âm” hoặc “âm ty”, “âm phủ”, là chỉ hai đường Ngã quỷ, Địa ngục; nói “dương gian” hay “cõi dương” là chỉ hai đường Người và Súc sinh; nói “thiên đình”, “thiên đường” hay “thiên đàng” là chỉ cõi Trời.

Ba đường Trời, Người, A tu la, mỗi loài đều có trí tuệ, ít nhiều đều được hưởng phúc báo, gọi là “tam thiện đạo”, nghĩa là “ba đường lành”. Ba đường Súc sinh, Ngã quỷ, Địa ngục u mê hôn ám không có trí tuệ, chịu khổ vô cùng, gọi là “tam đồ ác đạo” hay “tam ác đạo”, nghĩa là “ba đường ác”, gọi tắt là “tam đồ” hoặc “ba đường”.

▪ Khi Thần thức đi vào một đường nào đó là “sinh”, khi thoát khỏi đường đó là “tử”. Mỗi chúng sinh được sinh ra theo một trong

bốn cách: thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh, gọi là “tứ sinh”. Như sinh làm người hoặc sinh làm một số loài vật như trâu, bò, ngựa, dê, thì theo cách thai sinh mà đầu thai chuyển kiếp rồi sinh ra từ bào thai; noãn sinh là sinh ra từ trứng như gà, chim; thấp sinh là sinh ra từ nơi ẩm ướt như muỗi và các côn trùng khác; hóa sinh là do biến hóa mà sinh ra do sức mạnh của nghiệp, như chư thiên các cõi trời, ma quỷ ở cõi ngã quỷ, địa ngục, hoặc những vật cõi lột đòi hình như loài bướm hóa sinh ra từ sâu.

▪ Quả báo khổ vui trong Lục đạo tuy có khác nhau, nhưng tất cả đều thuộc vào cõi mê lầm, chúng sinh trong đó dù có sung sướng như các cõi trời, nhưng đều phải chịu sự chi phối của quy luật sinh tử, đến khi tuổi thọ hết vẫn phải chết, lại phải luân hồi, hưởng hết phúc có khi phải đọa vào ba đường ác. Bất cứ chúng sinh nào, nếu còn trong Lục đạo luân hồi thì trước sau rồi cũng bị đọa vào Địa ngục. Tam Giới như nhà lửa thiêu đốt chúng sinh, Lục đạo luân hồi trong Tam Giới là lãnh vực mê khổ của chúng sinh, như biển lớn không có giới hạn, nên được gọi là Khổ Giới (cõi khổ), Khổ Hải (biển khổ).

Cho nên, làm người nếu chỉ tu Phúc, giữ giới làm lành, trọn vẹn luân thường đạo lý, làm được rất nhiều việc tốt, mà không biết tu Tuệ, thì tuy có tâm tốt, tuy kiếp sau được phúc báo, nhưng chỉ là phúc báo thế gian, được tái sinh vào cõi trời cõi người hưởng phúc cũng chỉ là khách luân hồi. Thế nên ngoài việc tu Phúc, cần phải biết tu Tuệ, và lấy việc tu Tuệ làm cốt yếu thì mới thoát ra khỏi luân hồi. Niệm Phật chính là một phương pháp tu Tuệ để thành tựu nhất.

Ái hà thiên xích lãng
Khổ hải vạn trùng ba
Dục miễn luân hồi khổ
Cấp cấp niệm Di Đà

愛河千尺浪。苦海萬重波。欲免輪迴苦。急急念彌陀

Sông Ái nghìn thước sóng
Bể Khổ muôn trùng sa
Muốn thoát luân hồi khổ
Gấp gấp niệm Di Đà

ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ VÀ THẾ GIỚI CỰC LẠC

Trong quá khứ lâu xa, tiền thân của Đức Phật A Di Đà từng làm vị quốc vương. Lúc bấy giờ có Phật trụ thế hiệu là Thế Tụ Tại Vương Như Lai. Quốc vương sau khi nghe Phật giảng pháp nhiệm mầu vô thượng, Ngài liền từ bỏ ngôi vua, phát tâm xuất gia, hiệu là Tỷ khiêu Pháp Tạng.

Tâm lòng rộng lớn của Tỷ khiêu Pháp Tạng, vì muốn cho mười phương chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử mà Ngài bạch với Đức Phật Thế Tụ Tại Vương về chí nguyện mạnh mẽ muốn xây dựng một cõi nước thanh tịnh, Phật Thế Tụ Tại Vương đáp ứng tâm nguyện của Tỷ khiêu Pháp Tạng, giảng thuyết cảnh giới và chúng sinh trong hai trăm mười ức cõi nước chư Phật.

Tỷ khiêu Pháp Tạng sau khi nghe Phật giảng, trải qua năm kiếp tư duy, Ngài đã phát 48 nguyện thù thắng vô thượng.

Trong 48 nguyện, có nguyện thứ 18 là vĩ đại nhất và có liên quan mật thiết với chúng ta:

“Thiết ngã đắc Phật, thập phương chúng sinh, chí tâm tín nạo, dục sinh ngã quốc, nãi chí thập niệm, nhược bất sinh giả, bất thủ Chính Giác. Dục trừ ngũ nghịch, phỉ báng Chính Pháp”.

(Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, dốc lòng tin ưa, muốn sinh nước tôi, cho đến mười niệm, nếu chẳng vãng sinh, thì tôi chẳng trụ ở ngôi Chính Giác. Trừ kẻ ngũ nghịch, phỉ báng Chính Pháp).

Nghĩa là: Nếu khi Pháp Tạng tôi thành Phật, bất kỳ chúng sinh nào trong thế giới mười phương, chỉ cần thật tâm hoan hỷ tin nhận sự cứu độ của tôi, muốn sinh về cõi nước tôi, và suốt đời xưng niệm danh hiệu của tôi, ngay cả những chúng sinh đến giây phút cuối đời mới nghe danh hiệu và tin nhận sự cứu độ của tôi, chỉ xưng danh hiệu mười tiếng, tôi chắc chắn đón người đó vãng sinh. Nếu chúng sinh niệm Phật không được vãng sinh, tôi thề không làm Phật! Ngoại

trừ chúng sinh phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng Chính Pháp. (Hai tội cực nặng này, đối với chúng sinh nào chưa phạm, Ngài ngăn chặn mà nói nếu tạo tội thì không cứu; đối với chúng sinh đã phạm, mà chịu hồi tâm, Phật cũng sẽ từ bi cứu độ).

Nguyên thứ 18 được gọi là “Thập Niệm Tất Sinh Nguyên” hay “Niệm Phật Vãng Sinh Nguyên”, được tôn là “Bản Nguyên Vương” (vua của các bản nguyên), là nguyên cốt lõi trong 48 nguyên, là việc làm vĩ đại của Phật A Di Đà nhằm cứu độ chúng sinh phạm phu một cách chủ động, bình đẳng và vô điều kiện. Việc làm này vĩ đại ở chỗ, lấy chúng sinh tội chướng, không có sức tu hành để làm đối tượng cứu độ, bất luận chúng sinh trí tuệ hay ngu si, thiện hay ác, đều có thể nương vào nguyên vương này mà niệm Phật vãng sinh. Cho dù những ông ngu bà dốt không hiểu sâu giáo lý Phật pháp, chỉ cần *nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật*, thì có thể ngầm thông trí Phật, thâm hợp đạo mầu, nương vào đại nguyên này chắc chắn vãng sinh.

Sau khi Tỷ khiêu Pháp Tạng ở trước Phật phát khởi siêu thế hoằng nguyên, trải qua triệu tải vĩnh kiếp tu hành, chuyên chí một lòng, dũng mãnh tinh tiến, mỗi một phạm hạnh Ngài đều hồi hướng cho mười phương chúng sinh, để tất cả chúng sinh đều được thành tựu công đức. Sau khi công đức tu hành vì mười phương chúng sinh được vãng sinh đã viên mãn, Tỷ khiêu Pháp Tạng đã đạt được chí nguyện, thành tựu Phật quả, thành tựu Vạn Đức Hồng Danh, thành tựu cõi nước Cực Lạc trang nghiêm.

Từ thế giới Sa Bà hướng về phía Tây qua mười vạn ức (mười tỷ) cõi Phật là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc ở Tây Phương là thế giới do nguyên lực từ bi của Đức Phật A Di Đà hiển hiện ra, là cõi vô vi, bất sinh bất diệt, không có Lục Phàm, không có sáu nẻo luân hồi, chỉ có Tứ Thánh, gồm Đức Phật A Di Đà và chúng sinh bậc Thánh (Thánh chúng).

Trong không gian bao la vô biên, có nhiều vô số cõi, trong đó có cõi Tịnh (sạch sẽ), có cõi Uế (ô nhiễm). Thế giới Sa Bà là một trong các cõi Uế Độ. Thế giới Cực Lạc là một trong các cõi Tịnh Độ. Nghĩa chữ Tịnh là “sạch sẽ”, “thanh khiết”, chữ Độ là “cõi vực”, “thế

giới”. Tịnh Độ là “cõi sạch” là “thế giới sạch sẽ”. Thường dùng Tịnh Độ để chỉ thế giới Cực Lạc. Cực nghĩa là “rất”, Lạc nghĩa là “vui”, Cực Lạc nghĩa là “cực vui”, “rất vui”, tiếng Phạn là Tu Ma Đề, còn dịch là An Dưỡng, An Lạc, Thanh Thái...

Phương pháp niệm Phật cầu vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc gọi là “Pháp môn Tịnh Độ”, cũng gọi là “Pháp môn Tây Phương” hoặc “Pháp môn Niệm Phật”. Tông phái tu theo Pháp môn Tịnh Độ gọi là “Tịnh Độ tông” hoặc “Liên tông”, tông này được thành lập đầu tiên tại Trung Hoa năm 402, do Đại sư Tuệ Viễn đề xướng.

Tuy có nhiều phương pháp tu để được vãng sinh, nhưng phương pháp niệm danh hiệu “A Di Đà Phật” là phương pháp dễ tu, ai cũng tu được và chắc chắn thành tựu, cũng là pháp cốt yếu của Phật pháp.

Vãng sinh (vãng sanh) là chỉ cho việc Thần thức sau khi xả bỏ thân xác, được nhờ thần lực của Đức Phật A Di Đà (Phật lực) đưa về Cực Lạc. Tuy thế giới Cực Lạc cách xa thế giới chúng ta mười tỷ cõi Phật, xa xôi không thể tưởng tượng nổi, nhưng chỉ trong tích tắc đã tới, đây là tốc độ ý niệm, siêu vượt tốc độ ánh sáng thông thường.

Trong ba bộ kinh Tịnh Độ: Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ (Đại kinh), kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật (Quán kinh), kinh Phật Thuyết A Di Đà (Tiểu kinh), đều có miêu tả tỉ mỉ về thế giới Cực Lạc:

Thế giới Cực Lạc rộng lớn trang nghiêm, mặt đất bằng phẳng, toàn bằng vàng ròng, được trang sức bằng vô số châu báu, ánh sáng, hương thơm, vi diệu đẹp lạ, khí hậu ôn hòa, mát mẻ thoải mái, không có bốn mùa nóng lạnh, khiến lòng người (tức Thánh chúng ở đó) khoan khoái, nhẹ nhàng.

Thế giới Cực Lạc nơi đâu cũng thấy cung điện, lầu quán, giảng đường, tinh xá, hoặc ở trên mặt đất, hoặc ở trên không trung, đều do mọi thứ báu vật tự nhiên mà thành, do các loại ngọc báu, chuông báu giảng phủ, đẹp đẽ tráng lệ, vi diệu tột cùng.

Thế giới Cực Lạc có ao bảy báu, dưới đáy ao toàn bằng cát mịn vàng, thêm bậc bên bờ ao được trang nghiêm bằng các loại châu báu,

trong ao đầy ắp nước tám công đức, vị như cam lộ. Trên mặt nước nở rộ hoa sen nhiều màu nhiều sắc, lớn như bánh xe của Chuyển Luân Thánh Vương, mùi hương thanh khiết vi diệu. Ở thế giới khác nếu có người niệm Phật, thì trong ao bảy báu sẽ mọc lên một đóa hoa sen, người đó sau khi vãng sinh Cực Lạc, sẽ hóa sinh trong đóa sen này.

Bốn phía thêm bậc, có các hàng cây báu tỏa hương thơm ngào ngạt, trên cây phủ bởi lưới bằng các loại châu báu. Mọi người muốn thấy rõ cảnh tượng của mười phương chư Phật, đều có thể hiện ra trong các cây báu, rõ ràng y như soi gương. Gió nhẹ thoảng qua, các cây báu và lưới báu vang lên âm thanh vi diệu, giống như trăm nghìn loại nhạc trời cùng lúc diễn tấu, khiến cho người nghe tự nhiên khởi tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Có nhiều loài chim đẹp lạ, màu sắc rực rỡ đậu trên cây báu, do Đức Phật A Di Đà biến hóa ra. Tiếng hót của chim là tiếng giảng Phật pháp mà mọi người muốn nghe, khiến cho mọi người phát tâm hoan hỷ, hăng hái niệm Phật.

Thế giới Cực Lạc thường có nhạc trời vang trong hư không, tiếng nhạc hòa nhã, khiến người nghe xong, đều phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Hoa trời đẹp lạ từ trên không trung, bay xuống lả tả ngày đêm không dứt. Các loài hoa này, màu sắc rực rỡ, mùi hương nức mũi, khiến mọi người ngửi thấy đều được tăng trưởng công đức thù thắng không thể nghĩ bàn. Mỗi sáng tinh sương, mọi người đứng đầy các lẵng hoa tươi đẹp, chỉ trong khoảnh khắc đi đến vô lượng các thế giới khác, để cúng dàng các Đức Phật cõi đó.

Thế giới Cực Lạc là một thế giới xa rời tối tăm. Mặt đất, lầu gác, chúng sinh, hoa sen, v.v..., tất cả mọi thứ đều phát ra ánh sáng, không cần mặt trời mặt trăng chiếu rọi.

Thế giới Cực Lạc là thế giới xa rời ô uế. Vạn vật đều do vô lượng hương báu hợp thành, hương thơm ngào ngạt lan tỏa khắp các thế giới trong mười phương.

Thế giới Cực Lạc nơi nơi đều thấy hoa sen báu lớn, Đức Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí ngồi trên đài sen,

giảng thuyết pháp vi diệu. Mọi người được đích thân nghe pháp và hoan hỷ.

Mọi người ở thế giới Cực Lạc đều có thân hình và tướng mạo giống Đức Phật A Di Đà, sắc thân vàng ròng, kim cương bất hoại, thọ mạng vô lượng, quang minh vô lượng, trí tuệ thông suốt, biện tài vô ngại, đầy đủ thần thông, ‘có thể nắm giữ hết thảy thế giới trong lòng bàn tay’, nghe pháp tùy theo ý thích, quan sát các thế giới khác tùy theo ý thích, đi đến cõi khác hoằng pháp độ sinh tùy theo ý thích.

Y phục, thức ăn, thức uống, đồ dùng, v.v... vừa nghĩ đến thì có ngay, muốn mặc y phục thì ‘y phục đẹp đẽ vừa vặn tự nhiên trên thân’, muốn ăn uống thì ‘trăm món thức ăn, thức uống tự nhiên đầy đủ’, tất cả những cảnh tốt đẹp, tuy khiến cho người thân tâm khoan khoái, nhưng không ai sinh tâm tham đắm.

Thế giới Cực Lạc không những không có việc ác, ngay cả danh từ ác cũng không nghe thấy. Mọi người thường tụ hội cùng các vị Đại Bồ Tát thượng thiện nhân, thân tâm chẳng còn buồn rầu khổ não, chỉ có vô lượng thanh tịnh hân hoan vui sướng.

▪ Muốn thoát khỏi sinh tử luân hồi, thành Phật cứu độ chúng sinh nhanh nhất, chỉ có cách niệm Phật cầu vãng sinh về thế giới Cực Lạc, về môi trường tốt nhất để có đủ điều kiện tu học một đời thành Phật.

Chân vị “sinh tử”

Phát Bồ Đề tâm

Dĩ thâm tín nguyện

Trì Phật danh hiệu

真為生死。發菩提心。以深信願。持佛名號

Thật vì “sinh tử”

Phát tâm Bồ Đề

Dùng tín nguyện sâu

Trì danh hiệu Phật

**Pháp tu này khó gặp kỳ
May mà biết được, lớn khi thế nào
Niệm Phật người ấy kể vào
Hoa Phân Đà Lợi quý cao bậc người
Quan Âm, Thế Chí rồi thời
Làm thắng thiện hữu ngồi nơi đạo tràng
Sinh sang chư Phật gia đường
Về sau hưởng phúc thọ trường hà sa
Bây giờ ta giữ thân ta
Hồi tâm tưởng Phật Di Đà niệm siêng
Tâm ta là đất trồng sen
Miệng ta là nước tưới liền tốt xanh
Sớm khuya hai buổi tinh thành
Như ôm trái núi, như canh đồng vàng
Lại thêm khuyên bảo họ hàng
Niệm trì ấn tống thời càng phúc thêm
Rồi ra được thấy Thánh Hiền
Cùng mười phương Phật ở miền Tây Phương
Tam đồ bát nạn chẳng vương
Lại được chứng quả Phật đường trao ghi
Ai mà ấn tống đưa đi
Kinh này một quyển bằng thì nghìn trăm
Phật rằng thí pháp không chùng
Muôn nghìn châu báu không bằng lời kinh.**

*Đệ tử Học Phật chí tâm đỉnh lễ Thập phương Tam Bảo
Nguyện Pháp Bảo lưu thông, lợi lạc chúng sinh vô tận!*